

TRẦN THANH MẠI

TRÔNG GIÒNG SÔNG VỊ

Văn-chương và thân-thể

TRẦN TẾ XƯƠNG

IN LẦN THỨ TƯ



TỦ SÁCH

NHỮNG MẢNH GƯƠNG

TÂN VIỆT



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách : TRÔNG GIÒNG SÔNG VỊ
Văn-chương và thân-thể TRẦN TẾ XƯƠNG

Tác giả : TRẦN THANH MẠI

Nhà xuất bản : TÂN VIỆT

TỦ SÁCH NHỮNG MẢNH GƯƠNG

Năm xuất bản : 1956

IN LẦN THỨ TƯ

Nguồn sách : tusachtiengviet.com

Đánh máy : Đỗ Trung Thực, Vũ Minh Anh

Kiểm tra chính tả : Tào Thanh Huyền, Vũ Minh Anh

Biên tập ebook : Thư Vỡ

Ngày hoàn thành : 26/08/2019

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận
« SỔ HÓA 1000 QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG
BÓNG » của diễn đàn TVE-4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả TRẦN THANH MẠI và nhà xuất bản
TÂN VIỆT đã chia sẻ với bạn đọc những kiến thức quý
giá.**

MỤC LỤC

I. KHOA THI ĐÌNH-DẬU

II. LỄ XƯƠNG DANH

III. TÚ XƯƠNG VỚI SÀO NAM

IV. ÔNG TÚ XƯƠNG

V. MỘT NHÀ ĐẠO-ĐỨC KHÁC ĐỜI

VI. BÀ TÚ XƯƠNG

VII. MỘT VỊ THIÊN-THẦN

VIII. ÔNG TÚ XƯƠNG VỚI NGÀY TẾT

IX. VĂN-CHƯƠNG TÚ XƯƠNG

X. MỘT NHÀ TRÀO-PHÚNG

XI. LỖI THƠ KHẨU-KHÍ

XII. NHỮNG VẾT BẦM TRÊN BỨC TỜ

XIII. MỘT CÁI ÁN NẶNG CHƯA TỪNG CÓ TRONG CÁC HÌNH-LUẬT

XIV. NHỮNG ĐOẠN CUỐI CỦA ĐỜI MỘT THI-SĨ

XV. CÁI CHẾT CỦA TÚ XƯƠNG

TRẦN THANH MẠI

TRÔNG GIÒNG SÔNG VỊ

Văn-chương và thân-thể TRẦN TẾ XƯƠNG

IN LẦN THỨ TƯ - 1956

TỦ SÁCH

NHỮNG MẢNH GƯƠNG

TÂN VIỆT

*Nhà gổ năm gian lợp lá gồi,
Trông giòng sông Vị tựa non Côi,
Đầu nhà khanh-khách vào làm tổ,
Ngồi thấy chim con nó há mồi.*

TÚ XƯƠNG

*Cực nhân-gian chi phẩm-giá phong-nguyệt tinh hoà ;
Tối thể-thượng chi phong lưu, giang-hồ khí cốt !*

TÚ XƯƠNG

I. KHOA THI ĐÌNH-DẬU

VÀO khoảng năm 1895-1900, Nam-định là một thành-phố phồn-thịnh, nhờ cái địa-thế ở chỗ trung-tâm-điểm của miền hạ-du Bắc-Việt Nam định là chỗ phân phát sản-vật của một xứ đất-đai phì-nhiều, cái thị-trường giao-dịch với các nước ngoài. Nam-định, thành-phố thương-mại, cũng như Hà-nội, thành-phố quan-lại. Duy chỉ sau khi lập ra hải-cảng Hải-phòng, Nam-định mới thấy uy-linh của mình mất dần đi, cho đến lúc cùng đứng ngang hàng với các thành-phố lân-cận.

Mà nếu như Thăng-Long là « đất nghìn năm văn-vật », Nam-thành lại chính là đất gầy-dựng nền văn-vật ấy. Nam-thành chính là chỗ lựa-lọc anh-tài, kén-chọn hiền sĩ, để ra trị nước, trị dân : đó là chỗ, ba năm một lần, người ta mở khoa thi-cử.

Năm đình-dậu, niên-hiệu Thành-thái thứ 9 (1879), khoa thi Hương có phần náo-nhiệt hơn cả. Quan Toàn-quyền Armand Rousseau tạ thế năm trước (1896). Quan Toàn-quyền Paul Doumer mới qua nhận chức. Ở Bắc-Việt, vừa nổi lên một phong-trào đảo-chính mà động-lực lại ở trong tay bọn văn-thân. Thủ-lĩnh cuộc bài ngoại ấy là một tên thiếu-niên sĩ-tử, tự xưng là Kỳ Đồng.

Tuy cuộc cách-mệnh bị đàn-áp ngay lập tức, người ta vẫn ngờ rằng luồng không-khí quá-khích kia còn phảng-phất nơi đám sĩ-phu, bấy giờ đang tụ-hợp ở Nam-thành chờ ngày ứng thí.

Số thi-sinh khoa ấy đông ngót vạn rưỡi người, trừ cho mỗi người đem theo một tên gia-đình coi việc nấu-nướng, và một người bà-con (có nhiều học-trò đem cả cha, mẹ, vợ, con, bầu-bạn theo nữa, nhưng ta chỉ lấy số ít nhất ; cả thảy tính đến bốn-mươi-lăm nghìn người, cộng với số dân sẵn có trong thành-phố, tất cả có thể làm một đạo binh mà chẳng ai dám khinh thường.

Vì thế, ngay khi những sĩ-phu đầu-tiên lục-tục mang yên-trại đến Nam-thành, thì các đội binh bộ Pháp ở các tỉnh, cũng kéo về đóng phòng-ngữ và luôn tiện tiếp rước quan Toàn-quyền mới, ngài đã định đến chứng-kiến cuộc thi.

Dưới sông hai chiếc pháo-thuyền để hiệu « *L'Avalanche* » và « *Le Jacquin* » kéo cờ tam-tài, chở súng đại-bác. Chung-quanh là ghe đò của những kẻ đã dùng đường thủy mà đến trường văn. Hai bên bờ, quán-xá tấp nập. Trên dưới trông rợp trời, khuấy nước : một quang-cảnh hùng-tráng náo-nhiệt lạ thường.

Trong khi đợi ngày khai-mạc, thí-sinh và bà-con bầu-bạn ăn chơi vui-vẻ : nơi ngâm vịnh, xướng họa ; nơi cờ-khieu, rượu-chè ; nhất là ở mấy hàng thịt, lại càng ồn-ào, đông-đúc. Họ sắp hàng những con cầy quay vàng ngời, béo phệ ; mùi thơm bay lên ngát mũi. Lại trong những quán sang-trọng, người ta bày nhiều chiếc thống sành xưa, to rộng, ở trong lội đầy những con cá giếc vừa chà dưới nước lên. Những cá ấy, không phải để chưng-diện như cá thia tàu, mà chính để ăn tươi với nước lèo rau sống. Khách ăn

dùng vải tây điều, năm cá mà cần, cho huyết khỏi dính tay, hoặc để khỏi thấy sắc hồng ghê-tởm.

Các sĩ-tử đã lần-lượt dựng – hay nói cho đúng, đã cậy người nhà dựng cho, vì văn-thân, không bao giờ được làm việc gì khó-nhọc bằng tay – những lều-trại khum-tròn, thấp, hẹp, vào phải co-ro như con tò-vò chui vào tổ đất. Dấu sao, đứng trên cao trông xuống, giữa trường thi rộng mấy trăm mẫu, lúp-xúp kề nhau, chỉ vừa lọt lưng người, những lều tránh tí-hon, vàng xám, như một đàn bò vô số con ấy, đủ bày ra một cảnh-tượng hùng-vĩ uy-nghiêm ; càng hùng-vĩ, càng uy-nghiêm, vì nó yên-tĩnh, lảng-lặng, mơ-màng, như cả cái tinh-thần Đông-phương vậy.

Khoa thi ấy, như trên đã nói, chính-phủ nghiêm phòng dữ lắm. Ban đêm, sĩ-tử ai phải ở nhà trọ nấy, không được ra phố tụ-họp ; hoặc giả người nào có việc cần, còn phải lang-thang ngoài đường, khi đã quá tám giờ tối, tất phải bị bắt, hỏi thẻ và khuấy-rây nhiều lắm.

Chính trong những ngày ấy mà người ta khẩu truyền bài thơ « DẶN HỌC-TRÒ ĐI THI », các thí-sinh, nơi cụm năm, nơi lũ bảy, thì-thầm đọc cho nhau nghe bằng một vẻ bí-mật, lạ-lùng, xong rồi đồng cười rộ lên, vì bài thơ chẳng qua là một bài trào-phúng của một tên học-trò quán ở làng Vị-xuyên, nhân cái tình-hình lúc ấy mà đặt ra. Chúng ta hãy xem đây :

*« Đi thi, đi cử, các thầy nho,
Ta dặn điều này phải nhớ cho.
Ra phố, khăn ngang quàng lấy mặt,*

*Vào trường, quần rộng xắn lên khu.
Câu văn đặc ý đừng ngui-ngủi,
Chén rượu mềm môi chớ gật-gù.
Nghe nói khoa này nghiêm-cấm lắm,
Đêm hôm phải sợ phép quan Cò ! »*

Cái « quan cò » ấy, thật không bao giờ được lòng yêu-chuộng của các sĩ-phu, và có khi lại bị khinh-thường nữa. Bằng cách gì, chúng ta sẽ thấy ở một mục sau.

Ngày khai hội, trời chưa sáng, người ta đã đổ xô cả lại bờ sông, để xem quan Toàn-quyền đến. Các quan cai-trị Tây Nam, các bậc thân-hào phú-hộ ở Nam-thành đều đi xe kéo, bánh sắt lộp-cộp, lạt-cạt, cao khấp-khênh như cặp cà-khêu, tấp nập ra chực sẵn ở bến đò để tiếp ngài. Không bao lâu thì những pháo-thuyền của ông Paul Dourner, phu-nhân và các bộ văn-phòng võ-giá, thùng-thẳng rẽ làn nước vào bờ. Các đội lính bộ, bông súng, giắt lưới lê chói-lọi dưới những ngọn đuốc chưa tàn, và ánh-sáng lờ-mờ của mặt trời sắp mọc, đứng làm hai hàng rào chắc-chắn, ngăn những người tò-mò muốn thấy mặt quan Toàn-quyền. Súng thần-công 90 li, ở hai chiếc chiến-hạm *L'Abalanche* và *Le Jacquin*, nổ lệnh liên-thanh, thì các súng đại-bác nhỏ ở mấy chiếc pháo-thuyền hộ-tùng cũng phát hiện trả lời, nghe vang trời dội đất, giữa đám đông mười mấy vạn người, ai nấy đều yên-lặng, hiền-lành, cung-kính, không tỏ vẻ gì khả nghi. Phải chăng cái uy-vệ của súng thần-công nó sai-khiến được nên thế ? Mà sự sợ súng, hay nói cho đúng hơn, là sợ sức-mạnh, sợ cách tổ-chức và cách dụng binh vẫn có thật. Chính Tú

Xương cũng đã thú nhận điều đó trong bài « *VỊNH LÊN ĐỒNG* » :

*« Đồng giỏi sao đồng không giúp nước,
Hay là đồng sợ súng thần-công ? »*

Tuy vậy, luồng không-khí bất bình vẫn còn chứa-chất trong lòng sĩ-tử. Bọn văn-nhân rủ nhau vây kín... lấy tên học-trò làng Vị-xuyên, bảo phải cho nghe bài thơ vịnh khoa thi, mà anh ta mới kín-đáo đọc cho vài bạn thân. Bài thơ như thế này :

*« Nhà nước ba năm mở một khoa,
Trường Nam thì lẫn với trường Hà,
Lôi-thôi sĩ-tử vai đeo lọ ;
Âm-ọe quan-trường miệng thét loa ».*

II. LỄ XƯỚNG DANH

KHOA thi Hương đình-dậu... được êm-đềm xong suốt. Dằng-dai mãi những bốn-mươi ngày, các quan trường chấm xong, mới khai lễ xướng danh các thí-sinh trúng tuyển. Lễ ấy cũng có quan Toàn-quyền Doumer đến chứng-kiến. Ở giữa hai hàng lính mặc áo dẫu, cầm cờ ngũ sắc, các quan chủ-khảo uy-nghi đi vào trường thi. Phía tiền-đội, có quân khiêng kiệu sơn son thếp vàng, che lọng vàng, đựng hòm ấn-kiếm vua ban. Rồi đến toán nhạc binh, áo mã tiên, đội mũ phụng, đàn thổi những bản nhạc rền-rĩ, eo-éc, yếu-đuối. Kẻ ngồi kiệu, người nằm võng, có ông chuộng mới, dùng xe tay, thùng cao khắp-khểnh ; kèn-càng, lòi thoi như thế, các quan trường vào đến chỗ trung-ương ; rồi, run-sợ trong chiếc hia quá rộng, các ông vụng-về leo lên những chòi cao ngất, mỗi chòi đều che một chiếc lọng xanh. Lúc bấy giờ người ta mới kê tên các học-trò đồ cử-nhân. Một viên hạ quan cầm loa lớn, gọi tên-tuổi và làng-tổng người trúng tuyển. Các ông tân-khoa sẽ rẽ trong đám mấy vạn người xao-xuyến, khép-nép họp lại một chỗ với quan-trường, và nhận ngay ở đấy mỗi người một bộ y-phục, biểu-hiệu cho cái chức mới : mũ vuông kết giải dài sau ót, xiêm dạ tím, áo lục viền tơ đen. Các quan đội mũ cánh chuồn đính bướm bạc lập-lòe, mặc áo cánh-diều thêu phụng, đủ các sắc, ngồi cao trên chòi, bệ-vệ, oai-phong, trầm-tĩnh, đợi các sĩ-phu lạy tạ ơn. Quan Toàn-quyền và Doumer phu-nhân bèn mở một hộp bọc nhung, đã mang theo, thân hành bắt tay các ông cử mới và đưa tặng mỗi

người một vật đựng trong : thì ra toàn những chiếc đồng-hồ quả quít bằng vàng có, bằng bạc có, mà các ngài đã sắm sẵn để thưởng mừng mấy vị tân-khoa.

Bấy giờ, còn một vạn mấy trò, phận hẩm duyên ôi – khoa ấy chỉ lấy có 50 cử-nhân và 250 tú-tài – đành phải nuốt nước giải, đứng trông các bạn mình vui-sướng. Lúc ấy người ta nghe thấy ngâm :

*« Một đàn thẳng hồng đứng mà trông,
Nó đỗ khoa này có sướng không ? »*

Những người đứng chung-quanh đều cười rầm cả lên. Nhìn lại mới biết là tên học-trò ở Vị-xuyên đã nói trước kia ; anh này khoa trước (giáp-ngọ, Thành-thái thứ 6, 1894) đỗ tú-tài, mà khoa này vẫn cứ hồng cử-nhân.

Hồng, nhưng để cho đỡ buồn, để tự dối mình chơi, ông vẫn nhận liều là đỗ, tuy chỉ phải đỗ thứ 51 trong khi người ta chỉ lấy có 50 :

*« Ông trông trên bảng thấy tên ông ;
Ông tớp rượu vào, ông nói ngông.
Trên bảng năm mươi thầy cử đội,
Bốn kỳ mười bảy cái ưu-thông ! » ¹*

Thế rồi ở dưới sức ảm-ảnh của trí tưởng-tượng, có hơi men vào kích-thích thêm hăng, ông tự thấy mình đang nếm mùi sung-sướng của ông cử tân-khoa chính-thức :

*« Xướng danh tên gọi trên mình tượng,
Ăn yến xem ra có thịt công.
Cụ Sứ có cô con-gái đẹp,*

Lăm-le xui bố cưới làm chồng ! »

Nhưng một khi hơi men đã tản-mác, ông trở về với sự thực, thì ông lại càng thất-vọng buồn-rầu chừng nấy :

*« Bụng buồn còn muốn nói-năng chi,
Đê-nhất buồn là cái hỏng thi ! »*

Ông mới biết rằng việc thi-cử không phải là việc dễ-đàng như ngâm-thơ hay uống rượu ngoài quán :

*« Học đã sôi cơm nhưng chưa chín !
Thi không ngâm ớt thế mà cay ».*

Nhưng dù có đau-đớn tức-tối đến đâu, cho dầu có :

*« Đau quá đòn thù, rát hơn lửa bỏng,
Tủi bút tủi nghiên, hổ lều hổ chõng.
Nghĩ đến câu : nam-nhi đắ chí thêm nổi thẹn-thùng,
Ngâm đến chữ : quyền thổ trùng lai, nói ra ngậ-
ngọng... »*

Đối với anh thí-sinh, câu học tài thi phận bao giờ cũng là một câu an-ủi rất có hiệu-quả. Lòng tự-ái thế nào cũng tìm ra được một cơ để khỏi phải tủi thềm.

Cái quan-niệm rũi may ấy, sở-dĩ có, chỉ vì ai đã theo nghề học-hành, đều tự-phụ mình là giỏi cả. Tuy rằng khiêm-tốn là tính thứ nhất cần có của nhà nho, riêng mỗi tay văn-nhân đều mang một mỗi tự cao tự đại. Ngoài miệng họ thường vẫn nhún rằng : *« Sờ bụng thầy không một chữ gì ».*

Hay là : *« Ý hẩn thầy vừa gàn vừa dở, vả lại thầy văn dốt võ dát, cho nên thầy luẩn-quẩn loanh-quanh... »*

Hoặc là :

*« Có năm ba chữ nhồi trong ruột,
Khéo khéo không mà nói lại rơi ».*

Nhưng thật ra xưa nay chưa một người nào dám thành-thực thú nhận rằng vì dốt mà hỏng thi. Thế nào cũng chỉ đổ tội cho số-phận :

*« Thế mới biết học tài thi phận, miệng đàn-bà con-trẻ
nói thế mà thiêng ; Nào ai ngờ chữ tốt văn hay, tài bảng-nhãn thám-hoa lỡ ra cũng hỏng ».*

Nhờ thế mà mỗi hy-vọng, một chốc bị lung-lay, lại thấy vững-vàng như trước. Nhà thi-sĩ còn biết cách tìm ra một câu hài-hước lấy đó vẫn tự đắc như thường :

*« ...Thôi thì thôi,
Khoa trước đã chầy, khoa sau ắt chóng.
Hắn có kẻ lo toan việc nước, vua chữa dụng hiền ;
Hay không ai dạy-dỗ đàn em, trời còn bắt hỏng ? »*

Thế là trên con đường về, người ta lại thấy anh học-trò Vị-xuyên của tôi thung-dung yên-trại bước đi, vô tư, điềm-tĩnh, chỉ nghĩ đến một cuộc chơi ngông nào sắp thi-hành nay mai ở phố hàng Thao là chỗ anh ta cùng bạn-bè tụ-họp.

III. TÚ XƯƠNG VỚI SÀO NAM

PHỐ hàng Thao hồi ấy là phố đông-đúc nhất, vui-vẻ nhất ở Nam-thành, vì bao nhiêu nhà buôn to, buôn nhỏ, quán rượu, cao lâu đều lập ở đó. Nhưng hàng Thao nổi tiếng là nhờ các nhà ả-đào, ở đây thường hay tụ-hợp các quan-lại, các thiếu-niên văn-sĩ thi-gia, để nghe hát và đập chầu.

Thượng tuần tháng chín năm ấy (đinh-đậu 1897) bạn văn-nhân ở Nam-thành, nhân ngày lễ trùng-cửu, nhóm nhau tại nhà cô đào, chơi nhớn suốt ngày. Họ chia nhau làm ba toán. Một toán, trọng-vọng nghiêm-trang, đóng đô ngay ở căn giữa, đánh tổ tôm. Một toán ở căn bên hữu, cùng ngồi với hai ả mày xanh, mãi say-sưa nghe một bài nhà trò hát theo điệu đèn và nhịp trống. Còn một toán, gồm những văn-sĩ thi-hào chân-chính, hay ít ra cũng là bọn sinh chữ mê văn, choán cả căn bên tả, đương nhắm rượu, nói chuyện phiếm, hoặc ngâm vịnh thi bài. Trong số đó người ta dòm thấy các ông huấn Mỹ-lộc, Cử Thăng, Tú Tây-hồ, một vài ông đồ làng Hành-thiện và một người mà ta gọi là « ông Tú Vị-xuyên ». Ông này chính là anh học-trò hay ngâm thơ ở giữa trường thi đấy. Câu chuyện hàn-huyên-thiên, rất cục không khỏi lộn lại việc thi-cử khoa vừa rồi : một dịp tốt cho nhà thi-sĩ Vị-xuyên tỏ tính ngạo-đời khinh người của mình.

Vị-xuyên là một chàng thiếu-niên chừng 27-28 tuổi trở lại, mắt sáng như sao, râu rậm như chồi ! Thơ của ông ứng khẩu rất mau, tự-nhiên chứa-chan một giọng trào-phúng thâm-thúy, nên ai nghe cũng chóng thuộc lòng. Lời ăn tiếng

nói lại rất-có duyên ; hình như ông có một cái năng-lực huyền-bí trong khoa ngôn-ngữ làm cho ai nấy cũng ưa nghe.

Để tỏ ra mình sáng trí hơn người, mỗi ông ngâm-đi ngâm lại những bài ông tú vừa đọc, trong khi ông này ghé qua phòng bên kia bỡn với một cô đào hay vẽ một nước bài cao cho một ông bạn ở bộ ngựa giữa. Trong các thơ về khoa thi ông đã đọc hôm ấy, đại khái có những bài chế-diễu như những bài này : ²

*« Hai đũa tranh cái nhau thủ-khoa
Đũa khoe văn hoạt đũa văn già,
Năm nay đỗ rặt phùng hay chữ.
Kìa bác Lê kia cũng thứ ba !
Cử-nhân cậu Âm Kỳ,
Tú-tài con Đô Mỹ,
Học thế, thế mà thi,
Ôi, khi ôi là khi !
Sơ khảo khoa này bác cử Nhu,
Thật là vừa dốt lại vừa ngu.
Văn-chương nào phải là đơn thuốc !
Chớ có khuyên xằng chết bỏ bu ! »*

Lúc bấy giờ trời đã gần tối. Bỗng có tiếng động ngoài ngõ một lúc, rồi hai người đàn-ông, kẻ trước người sau đi vào.

Người đi trước nét mặt tươi-cười, chào tất cả cử tọa : thì ra một ông bạn quen xưa nay : ông Đặng tử Mẫn người làng Hành-thiện. Còn khách đi sau, hẩn là lạ mặt, chưa ai từng

thấy bao giờ. Và xem cách ăn-vận đủ biết người ở đằng trong : áo vải nâu, nón lá, vành dày và thô, to nặng lắm. Người cao lớn dũng-mãnh, trán rộng, hai mắt sáng quắc không kém gì mắt ông tú Vị-xuyên đang ngồi đấy. Một quai râu, lún-phún đen xanh, chạy từ mái tóc này qua giáp mái kia, làm cho mặt bớt phần to lớn. Giọng nói khi chào cử-tọa, ồ-rồ, chang-chàng, và khi cười, tiếng reo, trong và cao như tiếng sắt khua.

Người ta mời ngồi nói chuyện, Khách tỏ ra một bậc túc-nho, học-lực uyên-thâm, thông suốt kim-cổ, lại « *bình-sinh có chí lớn-lao, như muốn lật bể đời non* »³ gì kia. Bọn văn-nhân giữa tiệc, ai nấy đều tấm tắc khen thắm, trong buổi sơ ngộ, đã có ý hâm-mộ con người tài-khí.

Nhưng đến khi nghe khách thú nhận mình là một tên học-trò can án hoai-hiệp văn-tự, suốt đời không được thi cử, thì cử-tọa đều giật nảy mình, lấy làm lạ. Khách bèn thông-thả kể qua câu chuyện của mình.

Ấy là câu chuyện của một anh học-trò tài học siêu-quần, có tính ngạo-mạn bất-ky, đã đổ đầu xứ nhiều phen, đến khi thi Hương không thềm mang lều-trại gì cả, cho là không phải những cái vật ấy nó làm nên một bậc đại-khoa. Khi vào trường, nạn quá, anh em phải chạy kiếm cho một cái lều, rủi trong ấy một anh dốt nào đã giấu những sách-vở cũ. Lính khám-phá ra được, trình lên quan. Quan-trường hiểu ngay sự rủi-ro oan-tình ấy, vì đã biết danh anh đầu xứ nhưng anh này lại lên mặt không cần : các quan tức, làm thành án hoai-hiệp, chung thân bất đắc ứng thí. Buồn tình

anh ta về, đi ngao-du khắp xứ, vừa tới Nam-định và gặp các văn-nhân...

Câu chuyện ấy khách kể bằng một giọng sang-sảng, giữa những trận cười nghe như tiếng thác chảy.

Nãy giờ, khách chưa hề uống. Chén rượu rót lâu vẫn còn đầy ngang miệng. Có người nhắc, mời khách, khách nói :
« Tôi vẫn khát thật, nhưng không muốn uống rượu. Vả rượu là uống để cho say, mà tôi uống lại không say... Các ông cho nước thì hơn ».

Cử-tọa nhìn nhau, giật mình nghe câu nói bóng-bẩy ấy.

Ông Vị-xuyên vội-vã xuống phàn, lại gần khách, vỗ vai mà nói :
« Tôi đã hiểu thấu mối ẩn-tình không tiện nói của ông. Nếu có rảnh, xin mời ông quá bộ đến nhà tôi, cũng ở gần đây, chúng ta sẽ cùng nhau đàm-đạo ».

- Cảm ơn ông. Nếu không bận việc, tôi theo ông ngay, cho khỏi phụ tình sốt-sảng. Ngặt vì tôi mãi tìm một người mà chưa gặp, một người tôi mới nghe danh, chớ chưa hề thấy mặt bao giờ.

- Tôi ở đây quen biết rộng lắm. Người nào, ông cứ nói, tôi xin chỉ chỗ hay đem đến tận nhà.

- Ông Tú Xương...

- Trần tế Xương, người Vị-xuyên ?

- Vâng !

- Tưởng ai xa lạ ! Tú Xương là tôi đây ! Còn ông ?

- Tôi họ Phan, tên Bội Châu, biệt-hiệu Sào Nam.

Nhà anh-hùng và nhà thi-sĩ còn gặp nhau một bận thứ hai, cách năm năm sau khi ông Phan Bội Châu đã đậu giải-nguyên trường Nghệ.⁴

Gặp nhau ở nhà ông Tú Xương và ở phố hàng Thao như trước. Ông thủ-khoa nói lên Hà xem hội chợ và lễ khánh-thành cầu Doumer vừa mới làm xong. Lúc ấy vào khoảng tháng giêng năm nhâm-dần (tháng 2-1902)...

Nhà làm thi nhìn cái hình cao, vai rộng của kẻ chí-sĩ phiêu-lưu, mỗi bước một lờ mờ trong đám mù buổi tối, nhìn người bạn thân-giao vì chút duyên văn-tự đưa đến, rồi ràng-buộc lấy nhau, người bạn khuynh-hướng tuy khác hẳn với mình, nhưng vẫn nhận là tri âm, chỉ thiết, nhìn lần chót trong đời ông, rồi thốt nhiên ông buông một tiếng thở dài ! Ai biết ở trong hơi thở ấy, ẩn những ý-tình chi ?

Cách ba năm sau nữa, ông Đặng tử Mẫn xuất dương, qua đến Quảng-đông vừa gặp ông Phan Bội Châu ở đấy.

- « Tử Mẫn đem cho ta vật gì của nước ta đó ? » Ông Phan hỏi.

Ông Đặng đáp : « Một vật báu vô song : một bài thơ thăm của ông Tú Xương ».

- Ở đâu, đưa xem !

- Ở đây !

Ông Đặng lật áo lên, vỗ bành-bạch vào bụng : Thì ra bài thơ ấy là những lời nhắn gửi, chẳng phải thư-từ bút-tích gì.

(Ta phải hiểu rằng hồi xưa, cách đây không lâu, và hiện bây giờ cũng vẫn còn, người Nam ta, học theo người Tàu, có

cái quan-niệm rằng những cảm-giác chính do não-cân phát ra là ở trong bụng ta cả, nên ông Đặng mới có cái điệu-bộ sai-lầm ấy).

Ông Phan bảo đọc lên nghe. Ông Đặng bèn ngâm bài thơ này :

*« Mấy năm vượt bể lại trèo non,
Em hỏi thăm qua bác hãy còn.
Mái tóc giáp-thìn đà nhuộm tuyết,
Điểm đầu canh-tí chứa phai son.⁵
Vá trời gặp hội mây năm vẻ,
Lấp bể ra công đất một hòn.
Có phải như ai mà chẳng chết,
Giang tay chống vững một càn-khôn ! »*

Ông Đặng lại bảo còn một bài nữa, cũng của ông Tú Xương, nhưng không cốt gửi cho ông Phan (Xem chú thích 6-ở cuối sách) nhân khi nhớ bạn xa-xăm, ông ngâm cho đỡ buồn, nên không bắt ông Đặng học thuộc.

Nghe xong thơ, Sào Nam đứng dậy, hai mắt thường sáng quắc bỗng trở nên lim-dim, mơ-màng một lúc, như vời trông non nước yêu xa, rồi quay lại bảo ông Đặng rằng :
*« Tử Mẫn có hiểu chẳng mối đau lòng của người được tri-kỷ
nhẫn-nhe mà không thể đáp tạ lòng tri-kỷ... »*

Rồi hai người đồng trông về phương Nam, bùi-ngùi yên-lặng.

IV. ÔNG TÚ XƯƠNG

VÀO khoảng cuối thế-kỷ thứ mười-chín trong làng thơ Bắc-Việt, ít ai không biết, mặt cái anh chàng đẹp trai.⁶

« *Quanh năm phong vận, áo hàng tàu, khăn nhiễu tím, ô lục-soạn xanh, quần tố-nữ, bút-tất tơ, giày gia-định bóng...* » lẫn-quần ở mấy chỗ hàng Thao, phố Mới, chốc chốc lại ngược mặt lên trời nhìn đám mây xanh mà cười một mình ; nụ cười có khi khinh-khỉnh như ngạo đời, thị người, lại có khi xinh-tươi như đưa tình cho một bóng yêu trong mộng !

Cái con người phong-lưu, hay trông vào, ai cũng tưởng phong-lưu ấy, đã tự vẽ cái hình-ảnh của mình trong một bài tự-thuật như thế này :

« *Ở phố hàng Nâu có phổng sành,
Mặt thì lơ-láo, mắt thì lanh,
Vuốt râu nịnh vợ con bu nó,
Quắc mắt khinh đời cái bộ anh.
Bài-bạc kiêu-cờ cao nhất xứ,
Rượu-chè trai gái đủ tam-khoanh.
Thế mà vẫn tưởng là ta giỏi,
Cứ việc ăn-chơi chẳng học-hành ».*

Hoặc là bài :

« *Chẳng phải quan mù chẳng phải dân.
Ngơ-ngơ ngẩn-ngẩn hóa ra dân.
Hầu con trà-rượu ngày sai vặt
Lương vợ ngô-khoai tháng phát dân.*

*Có lúc vánh râu ai phụ-lão,
Cũng khi lên mặt dạng văn-thân.
Sống lâu, lâu để làm gì nhỉ ?
Lâu để mà xem cuộc chuyển-văn ».*

Hoặc ở trong bài « PHÚ THẦY ĐỒ », trong ấy bức chân-dung của ông tự phác-họa ra lại càng rõ-rệt :

*« Xem thầy con nhà phong-nhã ở chốn thị-thành.
Râu rậm như chồi, đầu to tầy dành.
Cũng lắm phen đi đó đi đây, thất điên bát đảo.
Cũng lắm lúc chơi liều chơi lĩnh, tứ đấm tam khoan ».*

Con người ấy, nên nói ngay bây giờ, không phải sinh ra để hưởng những sự phong-lưu sung-sướng như ta có thể tưởng lắm. Người ấy đã chịu mọi sự thống-khổ nặng nhất ở đời ! Những lời ông ta nói, những việc ông ta làm, đều là mâu-thuẫn với sự thực-tế, với cảnh-ngộ gia-đình ông, với thân-thế ông. Đó là những điều mà chúng ta sẽ thấy rõ trong những mục sau này.

Ông Tú Xương, kể về cái tính ăn-chơi liều-lĩnh, thì thật không ai dám bì :

*« Khi túng toan lên bán cả trời,
Trời rằng thẳng bé nó hay chơi.
Cho hay công nợ âu là thế,
Mà cũng phong-lưu suốt cả đời.
Tiền-bạc mặc thầy con mụ kiếm,
Ngựa-xe chẳng có lúc nào ngơi.
Có năm ba chữ nhồi trong ruột,
Khéo khéo không mà nó lại rơi ! »*

Cái tính gàn-dở, bướng-bỉnh ấy đã bắt ông làm cái đích cho lời mỉa-mai của thiên-hạ ; câu ca-dao sau này đã chứng thực sự đó :

*« Vị-xuyên có bác Tú Xương,
...Quanh năm ăn quịt chơi lờng mà thôi ».*

Nhưng nào ông ta đã lấy những điều ấy làm nhục ? Chẳng những thế, ông lại còn cho là đúng với tính-tình của mình, và chứng-nhận cái thực-trạng ấy trong một bài phú đặc :

*« Vị-xuyên có Tú Xương,
Dở dở lại ương ương.
Cao-lâu thường ăn quịt,
Thổ-đĩ lại chơi lờng ! »*

Nghiện gì thì nghiện, chớ đến nghiện món cao-lâu thì thật không phải là người tầm-thường ! : *« Nghiện chè nghiện rượu, nghiện cả cao-lâu ».* (PHÚ THỊ HỒNG)

Cái bệnh nghiện ít có ấy, nặng cho đến nỗi nghe ai rao hàng là ông muốn ăn ngay, không thể nhịn thềm được.

*« Sức chúc mầy rao đã điếc tai,
Tiền thời không có biết vay ai ?
Mầy ơi ! bán chịu tao vài bát,
Sáng mai tao trả một thành hai ».*

Nhưng mà nói ăn chơi là nói vậy, chớ cái liều-lĩnh, bướng-bỉnh ấy chẳng qua là để cho khuây những nỗi đau-thương trong một tấm lòng ưu thời mẫn thế.

Là một thi-sĩ, cốt-khí đa cảm, đa sầu ; nổi nước, nổi nhà, đã phải trông thấy những điều không như nguyện ; lại thêm chung-đụng với một xã-hội đê-hèn, ích-kỷ, những chuyện chướng tai gai mắt là chuyện xảy ra hằng ngày, hằng giờ, người có tính-khí khảng-khái ngang-tàng, sao cho khỏi trông đời bằng một con mắt bi-quan, ân-hận.

Chính ở nơi sinh-trưởng của ông, ở chốn chôn nhau cắt rốn, nơi người ta thường phải có nặng cảm-tình hơn đâu hết, mà đối với ông, cũng chỉ là một chỗ tụ-hợp của những điều ô-trọc ti-tiện, của những cái xấu từ hình-thức cho đến tinh-thần :

« Ở phố hàng Song thật lắm quan,
Thành thì đen kịt. **Đốc** thì lang.
Chồng chung vợ chạ, kìa cô **Bố**,
Đậu lại quan xin, nọ chú **Hàn**... »

Thành đây là ông Phòng Thành, coi việc vi-cảnh ở thành-phố Nam-định, tên là Pháo, vốn là một kẻ không học hành gì, nguyên từ Hà-nội xuống Nam làm ăn, lần lần trở nên giàu-có, rồi nhờ được quan trên thương-yêu, cho làm hộ phố, lên đến chức Phòng Thành. Người ông ta đen thui, đen thui, có lẽ cũng là dấu-vết còn lại của thời nắng-mưa dầm-dãi. Đốc tức là ông Đốc-học Thiều coi trường Nam-định ; ông này mặt-mày có nhiều vết lạng trắng, trông không ra dạng vẻ một nhà nho phương phi đạo mạo. Cô Bố thì lẳng-lơ dâm-dãng ; chú Hàn thì lòn-lỏi đê-hèn. Bao nhiêu những người chung quanh mình toàn là thế cả, thì bảo nhà thi-sĩ làm sao cho khỏi bực mình.

Cho nên sau những lúc « vui cười ra phá » tạm thời, gượng-gạo, chỉ tiếp theo, than ôi những cơn đau-đớn vì nhân-tình :

*« Trời không chớp bể với mưa nguồn
Đêm nào đêm nao tố cũng buồn.
Bối-rối tình duyên cơn gió thoảng
Nhật nhèu quang-cảnh bóng trăng sông ! »*

Còn nói về vấn-đề kim-tiền, thì lại càng chán-ngán :

*« Vì chưng chẳng có hóa ra hèn,
Hổ với anh em chúng bạn quen,
Thuở trước chơi-bời còn quyến-luyến.
Bây giờ đi lại dám mon-men ?
Giàu-sang âu-yếm tình quen-thuộc,
Bần-tiền thờ-ơ dạ bạc-đen.
Vị khiến trong tay tiền-bạc có,
Nói dơi, nói chuột, chán người khen ! »*

Khi mình có thì họ làm ra mặt thân để « cài » mình, khi nhắm thế không ăn nhờ gì mình được nữa, thì họ lộ vẻ khinh-khi, nếu không trở mặt phản hản :

*« Người bảo ông điên, ông chẳng điên,
Ông thương ông tiếc hóa ông phiền,
Kể yêu, người ghét, hay gì chữ,
Đứa trọng thẳng khinh cũng vị tiền !
Ở biển ngại-ngùng cơn tới lạch
Được voi tập-tĩnh muốn đòi tiên.
Khi cười, khi khóc, khi than-thở,
Muốn bỏ văn-chương, học võ-biên ! »*

Tuy vậy kẻ đại trượng-phu bao giờ cũng đại lượng, đem bụng yêu người, thương người thì có, chớ không biết trách người, căm người. Đối với những tiểu-nhân, chỉ : « *Những là thương cả cho đời bạc* ».

Chớ : « *Nào có căm đâu đến kẻ thù* ».

Có chằng chỉ có kẻ sinh ra một tính ngạo đời, không tin ở sự tốt-đẹp, hay-ho của đời nữa. Mà hay-ho gì, tốt-đẹp gì được, cái đời ngu-ngốc, giả-dối, a-dua, lòng riêng chỉ lo cầu cho nhau vạ cái rủi-ro khổ-sở, mà ở đâu môi, mút lưỡi thì vẫn nhao nhao chúc cho nhau những phước nọ duyên kia !

*« Lẳng-lặng mà nghe nó chúc nhau,
Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu
Phen này ông quyết đi buôn cõi,
Thiên-hạ bao nhiêu đứa già trầu !*

*Nó lại mừng nhau cái sự giàu,
Trăm nghìn vạ mớ để vào đâu ?
Phen này ắt hẳn gà ăn bạc !
Đồng rụng đồng rơi lọ phải cầu.*

*Nó lại mừng nhau cái sự sang
Đứa thì mua tước, đứa mua quan.
Phen này ông quyết đi buôn lọng,
Vừa chửi vừa rao cũng đắt hàng. ⁷*

*Nó lại mừng nhau đẻ lăm con,
Sinh năm đẻ bảy được vuông tròn.
Phổ-phường chật hẹp người đông-đúc,
Bồng-bể nhau lên nó-ở non ».*

Tóm lại, thuần là những lời vô lỗi, không đầu, biết không thể nào thành hiệu được, mà chúng cũng cứ giả-dối chúc cho nhau. Chớ nếu công-việc mà xoay-xở theo lời mình ước-nguyện được, thì chi bằng chúc như thế này :

*« Bất-chước ai, ta chúc mấy lời
Chúc cho khắp hết cả trên đời :
Vua, quan, sĩ, thứ, người muôn nước,
Sao được cho ra cái giống người ! »*

Như thế mới có ích cho nhau hơn !

Trông đời bằng một con mắt bi-quan, cay-nghiệt như Trần tế Xương, tưởng không còn ai hơn nữa. Nhưng mà, trái với mọi người, cái tính-tình lãng-mạn, phóng-đãng của nhà thi-hào nó bắt ông Tú Xương không làm một bậc đạo-đức giả, luân-lý quèn, họ vẫn chẳng làm gì nên chuyện, mà đi đâu cũng thở ra những giọng yếm thế vô nghĩa-lý, hay là, tệ hơn nữa, họ đi ở ẩn ra ngoài xã-hội, như các vai chính trong truyện tàu xưa.

V. MỘT NHÀ ĐẠO-ĐỨC KHÁC ĐỜI

SINH vào giữa buổi giao-thời, trong ấy mỗi sự-thay cũ đổi mới, nhà nho-sĩ coi như là một lát búa bửa vào bức thành thế-đạo, Tú Xương không thể không đau-đớn bởi những chuyện đương thời. Lúc bấy giờ, ở trong xã-hội, cái địa-vị được trọng-vọng nhất, cái địa-vị có thể đưa đến cho chủ-nhân-ông đủ mọi điều-kiện vật-chất sung-sướng, ấy là địa-vị ông Phán của nhà-nước Bảo-hộ :

*« Nào có hay gì cái chữ nho,
Ông Nghè ông Cống cũng nằm co.
Chi bằng đi học làm ông Phán
Tối rượu sâm-banh sáng sữa bò ».*

Nhưng mà những ông Phán ấy là những ông gì, tài học các ông ra thế nào ? : *« Á, ớ, u, ư, ngọn bút chì !... »*

Thì ra chỉ có thế, nhưng mà từng ấy kẻ cũng đã ghê-gớm lắm :

*« Muốn sống phải chăm mài bút sắt,
Cho mau chớ chậm đở hòn chì.
Đỗ đầu hết thầy-nhà ông ký,
Phần của nhà Nho : có một ly ! »*

Tình-thế xã-hội như vậy, kẻ trượng-phu phải lấy một cái nhân-sinh-quan nào mà ở với đời ?

Không kêu-rên hã, không than-khóc huyên, lại cứ lẩn-lóc vào cuộc đời ; đời buồn, vẫn cố vui, đời bạc, vẫn không phụ, đời chán, vẫn thương-yêu ; nhà thi-sĩ đã lấy châm-

biếm, lời diễu-cợt làm khí-giới để chống-chọi với mọi mối kích-thích của đời, và nhà thi-sĩ trở nên mạnh-dạn cứng-cỏi, quay lại công-kích đời, tự mình gây sự với đời.

Không có phái nào, cánh nào trong xã-hội mà không có cái mũi tên của thi-sĩ hài-hước bắn tới.

Như Phật-giáo và những người tuyên-truyền Phật-giáo thì bị ông miệt-thị lắm, tuy ông cũng như tất cả các nhà thâm nho, không phải là không hiểu thấu được cái cao-siêu, cái thuần-túy của tôn-giáo Thích-ca. Xét ra, sở-dĩ ông có những tư-tưởng phản giáo như vậy là vì ông thấy rằng đạo-lý có hay-ho gì mà người thực-hành giả-dối thì cũng vô-ích.

Mà còn gì giả-dối bằng những thầy sãi, vừa tu-hành đạo Phật, vừa chủ-trương đồng-bóng là cái phái mê-tín dâm-ô của phường vô-loại ? Ta hãy nghe nhà thi-sĩ tả những cái nhí nhắc ghê-tởm của hạng người ấy trong bài : « ÔNG SƯ VÀ MẤY Ả LÊN ĐỒNG » :

*« Chẳng khốn gì hơn cái nợ chồng,
Thà rằng bạn quách với sư xong.
Một thẳng trọc tuếch ngời khua mõ,
Hai ả tròn xoe đứng múa bông.
Thấp-thoáng bên đèn lên bóng cậu,
Thướt-tha dưới án nguyệt sư ông.
Chị em thỏ-thẻ đêm thanh vắng :
Chẳng sướng gì hơn lúc thượng đồng ! »*

Lại tu-hành mà còn miệt-mài ở chốn trần-ai tục-lụy như cái sư ông chùa Cuối kia, cho đến nổi pháp luật – phải can-thiệp để mời vào tu nốt – không phải ở chùa nữa đâu – mà

ở trong một nhà pha, thì chi bằng đừng tu mà đừng làm bậy :

*« Quảng-đại từ-bi cũng phải tù
Hay là sư-cụ vụng đường tu ?
Tụng kinh cứu khổ ba trăm quyển.
Ý hẩn còn quên một phép phù ! »*

Trước những cảnh-tượng chán-nản ấy, mà còn thấy những cô con-gái rủ-rê nhau vào chùa học đạo cùng các sãi, thì ai dám tin rằng có một ngày kia, những vị cân-quắc anh-hùng ấy sẽ thành chánh-quả cả ? Chẳng qua chỉ để thương, để tiếc, để ganh cho bọn mày râu phàm-trần :

*« Con gái nhà ai đáng thị-thành,
Cớ chi nữ phụ cái xuân-xanh.
Nhặt màu son phấn, sau màu đạo,
Mở cánh từ-bi, khép cánh tình,
Miệng đọc nam vô quên chín chữ,
Tay lần bồ-tát phụ ba sinh.
Tiếc thay thực-nữ hồng-nhan thế,
Nữ cạo đầu thề với quyển kinh ».*

Hình như Vị-xuyên có một mối ác-cảm riêng đối với thầy tu mà khi nào ông cũng gọi là « trọc đầu » như trong bài « ÔNG SƯ VÀ MỸ Ắ LÊN ĐỒNG » ta vừa đọc ở trên, đã có câu : « Một thẳng trọc tuếch ngồi khua mõ... »

Khi vui nói thể cho đành, đến khi buồn, tẻ ngắt tẻ ngơ, không có ý gì khôi-hài cả mà thi-nhân cũng không quên châm-chích con người vô hại ấy :

« Ngủ quách sự đời thân kẻ thức,

Bên chùa chú trọc đã hồi chuông ».

Có người bảo rằng mỗi ác-cảm ấy của Vị-xuyên chỉ sinh ra từ ngày ông vay nợ một nhà sư mà không được. Nhưng tôi tưởng rằng một bậc chí-khí ngang-tàng như Trần tể Xương không bao giờ nhỏ bụng đến thế, mà trái lại, sự thất-bại của ông trong việc vay sư, có lẽ chính vì cái tính khinh-thị cửa thiền của ông đã khiến cho nhà sư nào đó ghét mặt mà không cho vay, cái đó cũng không biết chừng.

Dù thế nào mặc lòng, bài « VAY NỢ SƯ » sau này ⁸ thật là một bài châm-chọc cay-nghiệt đáo để :

*« Ông bắm ông ăn đũa trọc đầu,
Đầu không có tóc, bắm nào đâu ?
Nghĩ mình nghiệm nặng, cho nên kiết,
Đành nó ăn chay, ý hảnh giàu.
Một vốn bốn lời mong có lãi,
Năm liều bảy tính cũng không câu !
Thế mà không được, buồn cười nhĩ !
Không được thì ông lại xuống tàu ».*

Cái tính ưa chế-nhạo nhà sư không phải chỉ riêng ông Tú Xương mới có. Một nhà thi-sĩ cùng thuộc một phái với ông (phái thi-gia trào-phúng) Tam-nguyên Yên Đổ, cũng hay bỡn thầy tu lắm. Ông có bài « VINH SƯ » :

*« Đầu trọc lóc bình vôi,
Nhảy tót lên chùa ngồi.
Y à kinh một bộ,
Lốc cốc mõ ba hồi.
Cơm chẳng thềm ăn cá ;*

*Ăn rặt oản, chuối, xôi.
Không biết câu tình-dục,
Đành chịu tiếng bồ-côi ! »
(Yên Đỗ)*

Đã bỏ sự giáo-lý tinh-thần mà cho là giả-dối, đã thấy cái gì cũng chán-nản đến nghi-ngờ, nhà thi-sĩ lấy cuộc ăn-chơi thích chí làm mục-đích khuông-khoa cho cuộc sống dở của mình. Đối với Vị-xuyên, cái thú vui là ở nơi sự chơi ả-đào, tức là cái thú của nhà sang-trọng, của người thượng-lưu, học-thức, riêng dùng một môn văn-chương ; nó có thể gọi là thú tinh-thần trong thú vật-chất. Nhà thi-hào hăng ngày vẫn ca-ngợi điều đó trong nhiều bài tuyệt bút :

*« Nhân sinh quý thích chí,
Còn gì hơn hú-hí với cô-đâu.
Khi vui chơi, năm ba ả ngồi hầu,
Chén rượu cúc, đánh châu đôi ba tiếng.
Tửu hậu khán hoa nhàn bất yếm,
Hoa tiền chúc tửu hứng vô nhai.
Thôi ai ơi ! chơi lấy kéo hoai,
Chơi cũng thế, mà không chơi thì cũng thế !
Của trời đất xiết bao mà kể,
Nợ công-danh biết thế nào xong,
Chơi cho thủng trống tầm bông ».*

Cho nên, hễ khi nào ông ta rồi-rãi buồn tình, thì đã lại lần mò xuống hàng Thao, phố Mới :

*« Hôm nay rồi rãi buồn tình nhĩ,
Thử xuống hàng Thao đập ngón châu ».*

Đã lại cô đầu. Rồi còn cô đầu mãi :

*« Cái thú cô đầu nghĩ cũng hay,
Cùng nhau dan-dúu bấy nhiêu ngày.
Năm canh to nhỏ tình ma-chuột,
Sáu khắc mơ-màng chuyện nước-mây.
Êm-ái cung đàn xen tiếng hát,
La-đà kẻ tỉnh dặt người say.
Thú vui chơi mãi mà không chán,
Vô tận kho trời hết lại vay ».*

Cái quan-niệm « Vô tận kho trời » ấy đã sinh cho nhà văn-hào cái tính hào-phóng, bướng-bỉnh, không kể ngày mai ; nhưng nói cho đúng, kho vô tận ấy nào phải của trời đất gì đâu ? Mà chính ông Tú Xương cũng đã bao phen nhận thấy ở chỗ nào rồi ! Kho vô tận ấy, chính là bà Tú Xương vậy !

VI. BÀ TÚ XƯƠNG

TRÊN đây không đầy nửa thế-kỷ, ở xã-hội ta còn có một hạng đàn-bà mà công-việc gánh-vác gia-đình là một cái trách-nhiệm, một cái bổn-phận – hay nói cho đúng, vì trách-nhiệm có hàm một ý-nghĩa cưỡng-bách ở trong – hơn thế nữa, công-việc nuôi chồng, nuôi con, đã thuộc về phong-tục. Người đàn-bà khi lấy chồng, đã nhận ngầm cái gánh nặng ấy, nhận một cách vô tư, thản nhiên. Anh chồng chỉ chờ người ta nuôi cho lưng dài vai rộng, để mà « ăn no lại nằm ». Tôi nói gì ? nằm thì còn hay lắm, vì như Tú Xương, thì chẳng bao giờ chịu nằm, mà khi chiếu hát, khi ca-lâu, ngoài cái tiền cho ông ăn sượng mặc sang, lại còn phải cung-cấp cho ông đi đập chầu, uống rượu và đái-đăng anh em.

Ở trong một thời-đại sùng-thượng khoa-mục, và chỉ những người có khoa-mục mới được người ta sùng-thượng, mỗi người vợ đều có mỗi hy-vọng tối cao là lấy cái vinh-dự ở nơi đỗ-đạt của chồng. Nhà danh-nho Lê Quý Đôn đã rõ cái tâm-sự, cái nguyện vọng duy-nhất của người thiếu-nữ Việt-nam xưa, trong một bài văn-sách, có mấy đoạn như thế này :

« Còn trong trần-lụy, anh đồ là vị vũ chi giao-long ; may khoa thi mà danh chiếm bảng vàng, tức hôm nọ chi hàn-nho, hôm nay đã ông Cử, ông Nghè chi đài-các. Ví em mà phận đẹp chỉ đào, thì trước voi anh, sau vồng thiếp, cũng thỏa đời ư vồng-giá chỉ nghênh-ngang ;

« Chứng thừa hàn-vi anh đồ là ẩn sơn chi hồ báo, gặp vận thái mà ân vua sắc báu, tức là ngày xưa chi hàn-sĩ, ngày nay đã Tham quan Thượng chi phong lưu. Ví em mà duyên ưa lá thắm, thì anh quan cả, thiếp hầu bà, cũng sướng kiếp ư ngựa xe chi đủng-đỉnh ».

Vì thế mà người đàn-bà nào cũng vui lòng chạy ăn chạy mặc, nuôi chồng, nuôi con, cực-khổ bao nhiêu cũng không quản. Vì thế mà sinh ra chế-độ đàn-bà làm việc thế đàn-ông, mà ta đã xét thấy ở nửa thế-kỷ trước trở lên. Cũng như sau năm 1900, nho-học không dùng nữa, khoa-cử bị bãi bỏ, người ta xoay về chữ Pháp, học ít lương nhiều ; công-danh dễ đạt, thì lại sinh ra hạng đàn-bà dựa lưng chồng như ta đang thấy ngày nay. Năm mươi năm sau, tức là cái phục-thù cho năm-mươi-năm trước. Có ai trách các bà ngày nay là ký-sinh-trùng của những đức phu-quân, các bà cử việc giở sử ra mà nói : *« Ròng-rã luôn mấy thế-kỷ trước, chúng tôi đã làm-lụng thế các ông. Bây giờ chúng tôi mới nghỉ mệt chưa đầy nửa thế-kỷ, đã chi mà các ông xét nét với phàn-nàn ? »*

Giả sử có vợ ai mắng chồng như thế, nghĩ đến bà Tú Xương, chỉ nghĩ đến bà Tú Xương, người này cũng nên cúi đầu yên-lặng.

Bà Tú Xương ?

Có những người đàn-bà sinh ra để mà cầm thanh kiếm, cưỡi cổ voi, quản-đốc hàng vạn hùng binh, đánh thành này, thâm lũy nọ. Những vị cân-quắc anh-hùng ấy danh-tiếng lẫy-lừng trong lịch-sử. Lại có một hạng phụ-nữ – mà ta

đừng tưởng rằng hạng này nhiều hơn – sinh ra chỉ để cầm cán chổi, coi bầy lợn, xem công-việc ngõ là không oanh-liệt không vinh-dự bằng, nhưng kể ra công-trạng họ đối với tiền-đồ, với tổ-quốc, với văn-minh, không phải là nhỏ, thua đâu. Thế mà hạng người ấy, không ai thềm đếm xỉa đến. Vì sao lại có sự thiếu-sót bất công ấy ? Vì sao lại có cái thiên-vị ấy ? Tấm lòng sùng-thượng của người đời lắm khi cũng còn sai-lạc hoặc cấu-thả lắm thay !

Đó là những tư-tưởng nó đến trước hết trong trí tôi mỗi khi tôi nghĩ đến bà Tú Xương.

Sinh-trưởng trong một cảnh thôn-dã êm-đềm, trong bầu không-khí trong-sạch bao-bọc làng Phù-nghĩa, thuộc huyện Mỹ-lộc (Nam-định), bà Tú Xương là một người có tất cả các đức-hạnh của người đàn-bà theo lý-tưởng Khổng-giáo. Có mà không tự biết. Cái hay, cái cao-thượng là ở chỗ đó.

Về dung-mạo, ta thử tưởng-tượng một người thiếu-phụ mặt-mày không có cái vẻ đẹp lộng-lẫy nguy-nga như các tiểu-thư ở chốn đài-các thị-hành, nhưng cũng rất dịu-dàng, rất đoan-trang, rất tươi-tắn. Vì làm-ăn lam-lũ, người ấy đã mất nét diễm-lệ thướt-tha ; không có cái thân-hình dong-dỏng, éo-lả « bồ-liễu », nhưng cũng không vì thế mà hóa ra thô-tháp, quê-kệch. Trái lại, nước da bao giờ cũng giữ được màu non-nớt, trắng-trẻo, mịn-màng. Chiếc hoa đại mọc ngoài đồng-nội, giữa một vùng quang-đăng bao-la, cho dầu phải dãi-dầu với nắng, mưa, sương, gió, bao giờ cũng hơn chiếc hoa yếu-điệu, thanh-bai, sặc sỡ, trông trong chậu hay trong bồn.

Vả chẳng, chính nhà thi-sĩ cũng đã có vẽ bức chân-dung của vợ. Ta hãy nghe :

« Mặt nhẵn-nhụi, chân tay trắng-trẻo, ai dám chê rằng béo rỗng gầy ; Người ung-dung, tính-hạnh khoan-hòa, chỉ một-bệnh hay gàn hay dở. Đầu sông bãi bến, đua tài buôn chín bán mười ; Trong họ ngoài làng, vụng lẽ chào dơi nói thợ... »

Nếu như ông Tú Xương chỉ rặt những « áo hàng tà, khăn nhiễu tím, quần tổ-nữ, bút-tất tơ » và những « giày đôn chân diện, ô tây tay cầm », nếu ông Tú Xương chỉ lẩn-lóc ở trong chốn hồng-lâu tửu-điểm, thì người thiếu-phụ kia lại « thắt lưng bó que, xắn váy quai công » lặn-lội ở đầu ghềnh cuối chợ, buôn tảo bán tần, để gánh-vác gia-đình thế cho ông Tú.

Người ấy lấy chồng, không phải vì tham những bã vinh-hoa như ông Lê Qui Đôn đã tả ; không, người ấy nuôi chồng, nuôi con, là vì phận-sự, vì nghĩa-vụ, không ham-muốn, không mong-ước, vì ai chứ ông Tú Xương, thì cả năm đến tối, chỉ một việc ăn-chơi, nay đây, mai đó, ông có thiết gì đến sự học-hành.

VII. MỘT VỊ THIÊN-THẦN

SAU khi ông Tú đã tiêu hoang cái hương-hoa sơ-sài của cụ thân-sinh để lại cho phần riêng ông, thì bà Tú phải ra công chu-cấp cho tất cả gia-đình. Bây giờ không còn mong nhờ lấy một chút hoa-lợi gì nữa, thì những cái ăn, cái mặc, cái dạy-dỗ đàn con, việc làng, việc họ, giỗ kỵ, tết nhất, bà phải trông-nom, lo-lắng hết thảy. Cho đến mỗi khi ông Tú đi thi, ngoài đồ lương-thực, bầu xiểng gánh theo, bà Tú lại còn phải tặng cho ông những món tiền « tiền chưn » để phòng khi cách đồ trở giang, đồ gánh chè, bể bánh tráng, chẳng hạn.

Hình như khi lấy nhau, hai người đã làm tờ hợp-đồng với nhau, đã cắt riêng phần việc cho nhau, ví-dụ như bà Tú thì lo việc kiếm tiền để tiêu-dụng trong nhà, còn ông Tú thì giữ việc... đi chơi. Chỉ có thế, ông mới tự-đắc và ích-kỷ tuyên-bố rằng : « *Tiền-bạc phó cho con mụ kiếm* ».

Phải, công-việc của ai nấy lo. Việc ông, ông làm, thế nào xong, mặc kệ ông. Còn việc bà, đấy ! bà phải lo-liệu lấy : « *Tiền-bạc phó cho con mụ kiếm...* »

...Kiếm cả tiền để ông đánh cờ, phỗng kiệu, thậm chí tiền để ông đem vãi ở xóm chị em, trong khi cao-hưng, khi vì tình, vì rượu, vì thơ, ông đã dờ mê dờ tỉnh !... Thế rồi, xong cuộc truy-hoan, tan sòng đen-đỏ, ông trở về nhà, tiền hết sạch, bệnh mang vào, bà Tú lại chạy thầy, chạy thuốc, săn-sóc cho chồng, không bao giờ hờ môi than-vãn một tiếng :

*« Thua bạc ra đi với mẹ nhà,
Bệnh gì chẳng bệnh, bệnh tiêm-la !
Quá vui đến nỗi ra người đại,
Lỡ bước cho nên nhắm mắt qua ».*

Khi ấy, bè-bạn xa dần, ở bên giường, chỉ còn bà Tú lo-
lắng, ngồi thức suốt khất trâu canh, cứ nửa đêm ra đặt bàn
giữa sân, hương, đèn, hoa, chuối, rồi lắng-lặng, kính-cẩn,
chân-thành, bà khăn-vái trời đất, cầu cho ông Tú mau bớt
bệnh :

*« Im-ỉm thâu đêm lại thẳng ngày,
Bệnh đâu có bệnh lạ-lùng thay.
Thuốc-thang nghĩ lại chua mà đắng,
Đường mật xem ra ngọt hóa cay.
Lắm bệnh bạn-bè đi lại ít,
Nặng lòng họ mạc hỏi-han đây.
Chỉ bền một năm tâm-hương-nguyện,
Thuốc thánh bùa tiên ắt chẳng chầy ».*

Nén tâm-hương-nguyện ấy bằng mười thuốc thánh bùa
tiên. Trên giường bệnh, ông Tú vắng nghe lời cầu-khẩn tha-
thiết và ngây-thơ của kẻ tình-chung, ở giữa trời đêm im-
lặng, bất giác một giọt nước mắt nóng-sốt tràn lên mí mắt ;
nhà thi-sĩ thấy khoan-khoái trong lòng.

Có khi ham theo thú vui hay là bận công-việc ở phương
xa, suốt năm ông không về, mãi đến ngày Tết mới lò-mò
vác ô về xông nhà, thì ông đã thấy : *« Đi đệt ngoài sân
tràng pháo chuột ».*

của các cậu bé, trong khi bà Tú đang chăm-chúi treo một bức tranh mới mua hồi chiều ở hàng Mã chợ Vị-hoàng : « *Trang-hoàng trên vách bức tranh gà* ».

Ở căn giữa, đã bày la-liệt những đồ cúng Hành-khiển ; khói hương vừa thắp, bốc lên nghi-ngút ám mờ những ngọn đèn dầu lạc phập-phồng trong mấy đĩa đất nung xanh. Trên chiếc ghế hương-trát, ngay dưới bức tranh quệt-quạc kia, một chậu thủy-tiên sành nho-nhỏ những chồi non đã rẽ cát nhú lên, như còn ngơ-ngác với chỗ xán-lạn ngạt-ngào ! Chung quanh, hình như bao-bọc một bầu không-khi ấm-áp, đằm-thắm yêu-thương, khác hẳn với cảnh lưu-lạc giang-hồ trong mấy tháng đã qua. Bà Tú đã bảo Bội hay Bành lấy nửa bầu rượu để riêng không cúng, đem dọn cho ông.

Rồi bà Tú bày ra trước mặt chồng một tập giấy hồng đơn, nhấp-nháy vô số chấm nhủ-kim. Ông hay Bái gì đấy đã mài sẵn một nghiên mực đầy và mum cái quản bút to nhất, thường ông Tú cất tận trên bàn thờ, sau chiếc bài-vị của cụ tự thừa. Bỗng ông Tú ngừng chén rượu mới cất lên, xây lại hỏi bà Tú. Bà chỉ vào hai cột chính ở căn giữa, mài còn trơ mặt gỗ đen xám, nhiều chỗ lớn đã bị mọt ăn làm nhiều lỗ thủng trắng-phao. Ông cả cười, trải giấy ra, viết vào hai vế đối. Công-việc mau lắm, chỉ trong chốc-lát là xong. Ông trưng lên cho bà Tú xem và hỏi ý-kiến của bà. Bà đọc qua, nhìn chồng ; rồi một nụ cười tươi sung-sướng nở trên cặp môi son không sáp. Ông Tú cũng nhìn vợ, nhìn như nhìn một người lạ, xưa nay chưa từng biết mặt, rồi bỗng-nhiên, không hiểu vì sao, ông thấy bà đẹp-đẽ bội phần, tươi-tắn hơn cả các cô ở hàng Thao hoặc phố Mới

mà hằng ngày ông thường bắt hát những bài « *Nợ phong-lưu* » hay « *Nhân sinh thích chí* » của ông. Phải chăng là vì ông ham-mê trăng-gió, giang-hồ, lâu ngày không nhìn đến mặt vợ hóa quên ?

Câu đối ấy là câu đã in trên con số mục thứ nhất để tiêu-biểu cho cái lãng-mạn của ông : « *Cực nhân-gian chi phẩm-giá, phong-nguyệt tình hoài ; Tồi thế-thượng chi phong-lưu, giang-hồ khí cốt* ».

Lại có lúc ông ăn-chơi quá độ ở chốn phồn-hoa, sau những cuộc « vui ra phá », sau những :

*« Truyện nở như pháo rang,
Truyện dai như chảo rách.
Đổ cả bốn chưn giường,
Xiêu cả một bức vách... »*

Bỗng ông chạnh nhớ đến người hiu-quạnh, lam-lũ suốt đời không biết cái thú gì, ông tự lấy làm đê-hèn ; ích-kỷ, vội-vàng khăn gói ra về. Có lẽ trong đời ông, chỉ có lúc ấy là ông thấy mình đầy tội, và có ý rụt-rè, kiêng-nể vợ. Nhưng ở trước sân, ông Tú lại đã thấy bà Tú vui-tươi, mừng thấy mặt chồng, chớ không trách chồng vì lâu ngày vắng mặt. Bấy giờ ông Tú cảm-động quá. Lòng khâm-phục lại càng tăng khối yêu-thương. Ông bắt tay vợ. Hai người nhìn nhau, như một cặp uyên-ương sắp-sửa vào giờ hợp cần. Rồi ông Tú ngâm-ngùi ngâm bài thơ « *TẶNG BÀ TÚ* », cái bài nhờ đó mà danh thơm bà, nghìn năm sau vẫn còn lưu lại với thế-gian :

« Quanh năm buôn-bán ở mom sông,

*Nuôi-nấng năm con với một chồng.
Lặn-lội thân cò khi quãng vắng,
Eo-sèo mặt nước lúc đò đông.
Một duyên hai nợ âu đành phận,
Năm nắng mười mưa dám quản công.
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,
Có chồng hờ-hững cũng như không ».*

Lúc bấy giờ bà Tú hiểu ngay là đức phu-quân muốn hồi-quá. Bà thấy cái chỗ ông Tú vẫn biết ơn mình. Rồi bà quên hết cả mọi sự lao-lực hàng ngày, sung-sướng rằng được một ông chồng, xem bộ bạc-bẽo, nhưng vẫn rất có tình.

Khi ông Tú đọc hết hai câu cuối, bà sẽ đưa mắt nguýt yêu ông, cười tình, tỏ ý khiêm-tốn, không nhận công. Nhưng ở trong hai mắt bà, thoát sáng quác lên, ông nhác thấy mỗi tự-đặc chính-đáng, mỗi ái-tình hăng-hái, mỗi hạnh-phúc vô hạn của bà :

*« Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,
Có chồng hờ-hững cũng như không ».*

Những lúc ấy chắc hẳn là những lúc sung-sướng nhất trong quãng đời nặng-nhọc vất-vả của bà Tú. Nhưng than ôi ! Nó tồì làm sao ! ngắ-nghủì làm sao ! Vi tiếng gọi của cảnh giang-hồ lăng-mạn, không bao lâu, đã khêu-gợi cho lòng nhà thi-sĩ phiêu-lưu, những mỗi nhớ-nhung, xa xăm, đâu đâu, ông lại cất bước ra đi !

Phê-bình thân-thế bà Tú Xương, tôi tưởng câu sau này không phải là quá-đáng :

Bà Tú Xương không phải là một người đàn-bà. Bà là một vị thiên-thần trời sai xuống, không phải để giúp ông Vị xuyên trên bước đường danh-lợi, mà để cho nước Việt-Nam một nhà đại thi-hào.

Sau khi nghe tin bà mất trong năm 1931, ông Á-nam Trần tuần Khải có làm một bài thi viếng. Bài thi ấy như sau :

*« Hơn sáu mươi năm đất Vi-hoàng,
Vợ hiền, mẹ đức đã treo gương.
Nếm chung trời Việt trăm cay-đắng,
Vững với non Côi một mối-giường,
Bia miệng đá lừng tranh khốn phạm,
Nếp nhà không thẹn tiếng văn-chương,
Tấm thân tuy thác, danh nào thác !
Hồn có thơm lây chốn suối vàng ! »*

VIII. ÔNG TÚ XƯƠNG VỚI NGÀY TẾT

THEO tục-lệ xưa, đã là thi-nhân thì thế nào đến ngày Tết cũng phải có một vài bài hoặc tức cảnh ; hoặc tự-trào, tự-thuật gì gì, gọi là làm một kế-toán niên-đế, một cuộc thăm-xét lại những việc đã qua, một sự đoái trông con đường dĩ-vãng.

Thơ Tú Xương về Tết lại có phần nhiều hơn hết các thi-gia khác nữa. Và phần nhiều những thơ ấy đều chế-diệu cái nghèo xơ-xác của thi-sĩ, những cái rờm, những cái vô vị của tục-lệ ngày Tết.

Trong khi về dịp Tết, người thiên-hạ, giàu-sang cho chí nghèo-nàn, đều đưa nhau sắm-sửa tưng-bưng, một bên để trưng-bày, để trải rộng cái phú-quí của mình, một bên để cho bớt miệng tiếng, mong sao cho người khác khỏi dòm vào mà cười mình hương tàn khói lạnh, thì thi-sĩ chỉ ngồi khoanh tay mà hện mình đến Tết năm khác mà thôi ! Thi-sĩ chỉ còn biết đem cái kiết-xác của mình ra mà chế-diệu :

*« Anh em đừng nghĩ Tết tôi nghèo,
Tiền-bạc trong kho chứa lãnh tiêu,
Rượu cúc nhắm đem, hàng biếng quảy,
Trà sen mượn hỏi, giá còn kiêu.
Bánh đường sắp gói, e nồm chày,
Giò lụa toan làm sợ nắng thiu.
Thôi thế thì thôi đành Tết khác,
Anh em đừng nghĩ Tết tôi nghèo ».*

Cái Tết đã là một cái quốc-phong, thì phải thế nào kia, có đâu vô vị đến thế, nhất là từ khi xứ Việt-nam dưới quyền bảo-hộ của nước Pháp, phải ăn những hai cái Tết : Tết tây và Tết ta ! Nhà nho-sĩ thuở bấy giờ, một lòng trung-quân, đợi cho Triều-đình Huế làm lễ ban sóc, ban lịch ra khắp xứ, mới chịu nhìn-nhận cái Tết, cho nên thi-nhân đã từng nói :

*« Xuân từ trong ấy mới ban ra,
Xuân chẳng riêng ai khắp mọi nhà... »*

Trong ấy « tức là trong Huế, trong nhà vua ».

Nhưng mà mọi nhà đón rước cái xuân ấy ra thế nào ?

*« Đì-đẹt ngoài sân tràng pháo chuột,
Om-thòm trên vách bức tranh gà.
Chí cha chí chát khua giày-dép,
Đen thúi đen thui cũng lượt là... »*

Cảnh-tượng Tết như thế, khiến cho ai nặng lòng cố quốc, nặng mỗi ưu hoài, tất cũng phải chép miệng mà than :

*« Dám hỏi những ai lòng cố quốc
Rằng xuân, xuân mãi thế ra mà ! »*

Nhưng mà tục-lệ đã là thế, đã gồm toàn những cái rờm như thế cả, thì thi-sĩ đến hết cười người ta rồi cũng chỉ trở lại cười nốt mình nữa mà thôi :

*« Khéo bảo nhau rằng mới với me,
Thấy ai mặc rách chẳng ai nghe.
Khăn là bác nọ to tày rế,
Váy lãnh cô kia quét cả hè.*

*Công-đức tu-hành sư có lọng,
Xu-hào đủng-đỉnh Mán ngồi xe.
Chẳng phong-lưu cũng ba ngày Tết,
Kiết-cú như ai vẫn rượu-chè ! »*

Như trên kia đã nói, trong dịp Tết, thiên-hạ đua nhau sắm-sửa, làm mứt làm món, gói bánh, gói trái, thi-nhân nghèo kiết-xác kiết-xơ, lấy đâu mà sắm-sửa, mà mứt món. Nhưng mà làm sao cũng phải có một thức gì, không có họ cười cho. Ấu là cởi áo ra, bắt rận mà làm mứt cho xong, xem nó có ngon hơn được kẹo chú khách Triều-châu, hay bánh của bà Hanh Tụ bán ngoài phố không ?

*« Sắm-sửa năm nay khéo thực là !
Một mâm mứt rận mới bày ra !
Xanh đồng thẳng lại đen rưng rức,
Áo vải bò ra béo thật-thà !
Kẹo chú Triều-châu đâu độ được ?
Bánh bà Hanh Tụ cũng thua xa !
Sang năm quyết mở ngôi hàng mứt,
Lại tưới thêm vào ít nước hoa ! »*

Một người nghèo-túng, không biết sắm gì, đến phải bắt rận ra làm mứt, rồi còn tính đem thứ mứt đặc-biệt ấy, tưới thêm nước hoa vào, như người ta thường làm khéo cho các món mứt của họ, để mở ngôi hàng mà bán, thật đã là một người ngạo đời xuất chúng.

Thảo nào mà người ấy chẳng chúc Tết bằng bốn bài thơ mà các bạn đã đọc ở mục trên :

« Phên này ta quyết đi buôn lọng,

Vừa chửi vừa rao cũng đắt hàng ? »

IX. VĂN-CHƯƠNG TÚ XƯƠNG

TRƯỚC một cảnh-ngộ khổ-não thương-tâm, người ta có ba cử-chỉ khác nhau : một là phát tức nổi điên, muốn lấy cái sức lau-sậy của mình mà đánh-đổ cảnh-ngộ, dù đã biết sức mình chẳng làm gì nó được ; hai là đành bó tay chịu thua, mà kêu-gào than-khóc, như để cầu-cứu một mảnh-lực uy-linh gì không bao giờ đến ; ba là hiểu thấu tất cả cái hư-vô của tài-lực mình, của sự khốc-lóc than-vãn, nhìn cảnh-ngộ bằng một con mắt nhẫn-nại, khắc-kỷ, hoặc hơn nữa, chỉ dùng một giọng cười để chế-nhạo cảnh-ngộ mà chơi.

Người ta đọc văn Tú Xương, thấy ông chuyên dùng một giọng khô-hài trào-phúng, có thể tưởng lầm ông là một người sung-sướng phong-lưu. Nhưng sự thực thì ông chỉ là người đứng vào « cái ca » thứ ba đã kể trên mà thôi vậy.

Ông Tú Xương suốt đời lao-đao lận-đận, buồn-rầu vì thân-phận vô duyên, đau-đớn vì nhân-tình bạc-bẽo, Xem như :

*« Kìa cái đêm nay mới gọi đêm !
Mắt giương không ngủ bụng không thèm.
Tình này ai tỏ cho ta nhỉ !
Tâm-sự năm canh một ngọn đèn ».*

Lại với :

*« Trời không chớp bể với mưa nguồn,
Đêm nào đêm nao tớ cũng buồn,
Bối-rối tình-duyên cơn gió thoảng
Nhặt-nhèo quang-cảnh bóng trăng sông ».*

Cái khổ-tâm của ông ê-chề như thế thì những câu hài-hước, những giọng phong-lưu đã chiếm phần quan-trọng nhất trong văn-nghiệp của ông, chẳng qua là những tiếng cười gằn, « cười ra nước mắt », để che-lấp cái « khóc sợ thêm hổ người » đó mà thôi !

Những quang-cảnh ruộng dâu bể biếc, vật đổi sao dời thường khiến cho người có tâm-huyết, cho kẻ ưu thời hay lo-phiền buồn-bực, mặc dầu những quang-cảnh ấy không có một tí ảnh-hưởng nào đối với mình, mặc dầu đó chỉ là những điều trông thấy mà thôi : « *Những điều trông thấy mà đau-đớn lòng !* »

Nhân thuở ấy, một khúc của con sông Nam-định, vì có đất bồi, hoa cạn dần, gặp lúc thành-phố đang mở-mang, nhà-nước cho đắp cát dựng nhà-cửa lên ở – ngay chỗ xưa kia là bến đò ngang. Chỉ có từng ấy việc mà đủ làm cho nhà thơ ngậm-ngùi than-thở, tiếc mỗi sự-thế đã qua ! Bốn câu thơ sau đây rõ là một tiếng kêu thống-thiết :

*« Sông kia rày đã nên đồng !
Chỗ làm nhà-cửa, chỗ trồng ngô-khoai,
Vâng nghe tiếng ếch bên tai,
Giật mình tỉnh dậy, tưởng ai gọi đò ! »*

Bạn đọc xem qua những bài thơ chép trên cũng đủ thấy rằng thơ Tú Xương nhẹ-nhàng lưu-loát, ngâm lên có một nhạc-điệu êm-ái du-dương. Thơ Tú Xương không có vẻ đài-các như thơ của bà Huyện Thanh-quan, vẻ hùng-tráng như thơ Nguyễn công Trứ, không gò-gắc như của Lê Thánh-tông, hay yêu-quái như của Hồ xuân Hương. Nhưng cái mà

Tú Xương có, mà ít ai có, là cái bình-dị, cái tự-nhiên. Trong thơ ông, không bao giờ ông để cho người ta thấy sự dụng công của ông, mặc dầu nhiều chỗ ta biết rằng không dụng công thì không bao giờ nên được thế. Cái tài là ở chỗ kín-đáo ấy. Thơ Vị-xuyên là một lối thơ cầu-thả, hay nói cho đúng là có cái dáng-dấp cầu-thả.

Thơ Vị-xuyên là một lối thơ cầu-thả. Lời nói ấy không phải là một lời chỉ-trích có thể di-hại đến danh-tiếng ông, mà chính là một lời khen. Trong văn-giới Việt-nam, phi một người có biệt-tài, Tam-nguyên Yên Đỗ, tôi chắc không còn ai có lối văn cầu-thả thần-tình ấy. Đối với Trần tế Xương, cũng như Nguyễn Khuyến, tư-tưởng trong óc ra thế nào được dùng ngay thế ấy, lanh-lẹ tươi-tắn, không trau-chuốt, không gọt-đẽo : không dụng công. Hơi văn đi ra như một luồng nước chảy xuôi giòng, êm, khoẻ, mau. Ta thử nhắm mắt lấy đại một bài, bài « GỬI ÔNG ẤM ĐIỀN » chẳng hạn :

*« Tôi hỏi thăm ông đến tận nhà ;
Trước nhà có miếu có cây đa.
Ruộng-vườn đất-cát vừa ba thước,
Nửa lá tre pheo kể mấy tòa.
Mới sáu bận sinh đà sáu cậu,
Vừa hai dinh ở có hai bà.
Nhác trông mỗc thếch như trắng gió :
Ông được phong-lưu tại nước đa ! »*

Thật là tự-nhiên, tươi, và khéo. Bài « LẤY LỄ » sau này cũng vậy, mà ở đây, ta lại càng được thưởng-thức lối trào-phúng thâm-trầm kín-đáo, nó là cái biệt-tài của ông Tú Vị-xuyên :

*« Cha kiếp sinh ra phận má hồng,
Khéo thay một nỗi lấy chồng chung.
Mười đêm chị giữ mười đêm cả...
Suốt tháng em nằm suốt tháng không.
Hầu-hạ đã cam phần cát-lũy,
Nhật-khoan còn ỏi tiếng Hà-đông,
Ai về nhắn bảo đàn em nhỏ :
- Có ế thì tu, chớ ! chờ chung ! »⁹*

Cách đặt câu xuôi, êm như vậy, mà các vế đối lại chỉnh, rất chỉnh, đó là chỗ xuất chúng của nhà thi-sĩ Nam-thành. Xem như bài « CÔ TÂY ĐI TU » :

*« Rút cái mẽ-đay ném xuống sông,
Thôi thôi tôi cũng mét-xì ông.
Âu đành chùa đó, âu đành phật,
Cũng chẳng con chi, cũng chẳng chồng.
Chớ thấy câu kinh mà gọi kệ,
Ai ngờ chữ sắc hóa ra không !
Tôi đây cũng muốn như cô nhĩ ;
Cái nợ trần-duyên rũ chưa xong ».*

Ta thấy hơi văn lưu-loát, đi luôn một giây từ đầu đến cuối, như kể chuyện, như văn xuôi ! Đến hai câu 5, 6, thì thật là tài-tình. Nói theo cách Tây, ông Tú Xương dùng chữ cũng như anh phường-xiếc vút-ba-quả dùng những quả của mình :

*« Chớ thấy câu **Kinh** mà gọi **Kệ**.
Ai ngờ chữ **Sắc** hóa ra **Không** ».*

Luôn trong một hơi, thành-thời, tự-nhiên, như vô tình mà nói, ông đã khéo dùng những chữ kinh, kệ, sắc, không của nhà Phật để chọi nhau.

Giá-trị bài sau này cũng không kém gì bài « CÔ TÂY ĐI TU » ở trên. Nhân cái tình-hình quan-tước ở ta, ông Tú Vị-xuyên gửi một bài thi khuyên bõn một ông bạn xuất thân phó-bảng, huấn-đạo ở một huyện nhỏ, nên bỏ giáo-giới mà vận-động ra hành-chính ! Lời lẽ trào-hước đủ chứng-tỏ các cách tệ-lạm của quan-trường nó như đã thành những lệ án, những phong-tục ăn sâu vào cuộc sinh-hoạt của một dân-tộc, ai nấy phải lấy làm thường :

*« Tri-huyện lâu nay giá rẻ mà !
Ví vào tay tớ quyết không tha !
An sơn tông giống người keo thực,
Bồ thủy xưa nay, của kiết à ?
Đất nhị dễ thường lơn rúc ở
Lửa nòng nên phải chuột đùn ra !
Ông mà giữ tính kiêu-kỳ mãi,
Huấn-đạo, nguyên ông Huấn-đạo già ! »*

Hay nhất là chỗ thi-nhân đã tìm ra hai tiếng tỉnh-tự « nhị » và « nòng » đối chọi với nhau, mà chính hai tiếng ấy lại là hai tên địa-dư, để chỉ núi Nùng, sông Nhị, mà thường các bậc thi-hào năng dùng để đối với nhau, tức là ông Tú Xương đã đối cả chữ lẫn nghĩa, cả tiếng và cả ý !

Cũng như trong bài « ÔNG CÒ » trong ấy châm-chích các ông Cẩm quá nghiêm-khắc và những luật vi-cảnh của thành-phố :

*« Hà-nam danh-giá nhất ông Cò.
Trông thấy ai ai chẳng dám ho.
Hai mái trống tung đành chịu dột,
Tám giờ chuông đánh phải nằm co ;
Người quên mất thẻ âu trời cãi,
Chó chạy ngang đường có chủ lo ;
Ngớ-ngẩn đi xia may vớ được ;
Chuyến này ắt hẳn kiếm ăn to ».*

Mới đọc qua một dạo, thấy câu nào nghĩa xuôi câu nấy, không có chữ gì lắt-léo, ta có thể bỏ qua không cần gì nghĩ-ngợi cả. Ta có ngờ đâu hai chữ « trống tung » dùng để chỉ sự hư-hỏng đổ-nát của mái nhà tranh, lại chọi với hai chữ « chuông đánh » chỉ luật thành-phố, tám giờ tối, nghe hiệu chuông là không ai được ra đường, chọi xang-xác như hai lưỡi gươm của những tay thầy võ. Thật là kín-đáo. Thật là đột-nhiên. Thật là thần-diệu.

Trong văn-nghiệp Tú Xương về cách đối mau mà chính thì ta thấy nhan-nhân những câu thần-tình không kém gì mấy câu trên :

*« Cho hay công nợ âu là Thế,
Mà cũng phong-lưu suốt cả Đời.
Chết riêng có lẽ mình anh Nhi !
Sống bận ra chi lũ chúng Mầy !
Tiền chươn cô mất hai tiền lẽ,
Sờ bụng thầy không một chữ gì.
Ra phố khăn ngang quàng lấy mặt,
Vào trường quần rộng xắn lên khu.*

*Có mẹ hãy còn vui gương lại,
Không chồng hồ dễ sống chi lâu.
Mái tóc giáp-thìn đà nhuộm tuyết,
Điểm đầu canh-tí chữa phai son.
Một tuồng rách-rưới con như bố,
Hai chữ nghêu-ngao vợ chán chồng ».*

Thế mà chưa thần-tình bằng hai câu sau này, trong bài phú « THẦY ĐỒ » : « ...Văn có hay đã đỗ làm quan, võng võng điều võng tía ; Võ có giỏi đã ra giúp nước, khố đỏ... khố xanh... »

Nhà thi-sĩ thật đã khéo tìm ra bốn chữ « khố đỏ khố xanh » lại tả được cái tình-trạng của nước ta về phương-diện quân-bị. Tưởng là võ giỏi để ra làm nguyên-soái, thống-chế, binh-bộ, tổng-trưởng, để trứ-tác những bộ quân-pháp, binh-thư, ai ngờ giỏi cho lắm cũng chỉ để sung vào những ngạch lính khố xanh, khố đỏ, ! Thật là tự-nhiên, châm-phúng, và nhất là xác đáng, hợp với sự thực ! Cái hay không thể nào tả hết !

Về lối thơ lục-bát, lối hát ả-đào, câu văn nào cũng lưu loát, êm-đềm, tiêu-tao. Ta hãy nghe bài hát sau này :

*« Ta lên ta hỏi ông trời,
Trời sinh ta ở trên đời mà chi,
Biết chẳng hay chẳng biết gì.
Biết ngòi nhà hát biết đi ả-đào,
Biết thuốc lá, biết chè tàu,
Cao-lâu biết vị, hồng-lâu biết mùi ».*

Hơi văn nhẹ-nhàng khoẻ-khoăn, cũng giống như bài hát
« CHÚ MÁN » :

*« Phong-lưu nhất ai bằng chú Mán,
Trong anh em chúng bạn kém thua xa,
Buổi loạn-ly bốn bề không nhà,
Răng chẳng nhuộm, vợ chẳng lấy, lượt là chẳng mặc.
Mán chỉ đủ tiền tiêu vặt,
Khi cà-phê, khi nước đá,
Khi thuốc lá,
Khi đùng-đỉnh ngồi xe.
Sự đời Mán chẳng buồn nghe ! »*

Mán đây không phải là chỉ người Mán, người Mường. Ấy là tên một anh đã từng sống ở Nam-định, đồng thời với Tú Xương, hình như làm nghề hạ heo, hoạn heo gì đấy thì phải. Mán có tính khờ-dại, thật-thà, tự-nhiên, vui-vẻ, và thuộc về hạng người « vô sự » như ta thường gặp ở cấp hạ lưu, triết-ly mà không tự biết, và đạo-đức một cách vô tình.

X. MỘT NHÀ TRÀO-PHÚNG

NHƯNG mà cái ưu-điểm của Tú Xương chính là ở nơi trí mẫn-tiếp, tài trào-phúng của ông như trong tập này đã nhiều lần nhắc đến.

Chúng ta có thể nói rằng do tính ưa trào-phúng của một dân-tộc mà biết cái trình-độ văn-minh của dân-tộc ấy. Hay nói cách khác, một nước càng có nhiều người biết trào-phúng bao nhiêu thì nước ấy lại càng văn-minh bấy nhiêu. Hoặ-giả có người bảo lời tôi nói là quá-đáng, tôi xin họ đợi đến khi trong nước đều biết trào-phúng, hay ít ra đều có thể lãnh-hội hết thảy những câu nói, những bức tranh trào-phúng, khi ấy hãy nên trách cùng không.

Phần đông người Việt-nam chưa biết yêu, biết chuộng lối hài-hước mà họ cho là trái với tính-cách người lớn. Chẳng qua là khối óc họ chưa mở-mang để lãnh-ngộ nổi cái thâm-thúy cái thướt-tha của một lời nói khôi-hài. Chỉ có những tên pha trò trên sân-khẩu tuồng cổ, nói lên những câu không nghĩa hay diễn lại những lớp bông-lơn rơm mà cha anh chúng nó đã diễn từ một thế-kỷ nay và người nghe cũng đã nghe từ nhỏ đến lớn ; chỉ có những tên hát bội sắm vai quân canh, giả say rượu và giả đi tiểu-tiện ngay trên đầu bạn, hay những thằng hề đóng trò tria hỏi vợ nằm nơi đẽ được mấy con ; chỉ có những cái vô ý-thức ấy, họ mới không cho là trẻ con, và mới làm cho họ cười vỡ bụng ! Họ chẳng qua lại như con ếch trong ngụ-ngôn bao giờ chưa ra

khỏi giếng, thì còn tưởng trời bằng đĩa, và vẫn vui lòng chịu như vậy.

Bây giờ ta không còn lạ gì mà thấy tài ông Tú Xương không được mấy ai thưởng-thức.

Những năm-mười-năm về trước, chúng ta đã có một nhà thi-sĩ trào-phúng thâm-thúy như Tú Xương, thật là một việc vinh-dự hạnh-phúc cho quốc-văn. Thế mà lúc bấy giờ chẳng ai biết theo gương nổi gót, để mở-mang óc thông-minh, trí mẫn-tuệ, mà sự ích-lợi là làm cho dân-trí thêm vui-tươi, thêm lanh-lẹ, thêm yêu đời, yêu sự sống, thêm dễ hấp-thụ văn-minh ở ngoài : thêm mau tiến-hóa !

Những câu chuyện cón-con đã xảy ra trong đời Tú Xương do tài hài-hước của ông, những câu ứng-đối thần tình trong thời giao-du rất rộng của ông, chắc hẳn là nhiều lắm, mà một phần đã bị người ta không hiểu, nên không truyền-tụng được ; còn một phần lại bị họ bỏ qua, không để ý, vì họ không yêu-chuộng trào-phúng khôi-hài ! Ngày xưa, quân Mọi ở Nam Phi-châu, tình cờ nắm được một viên ngọc-thạch trong tay, liền vút phăng giữa sa-mạc mà đi !

Họa chẳng trong áng thi-văn còn sót lại một đôi bài để chứng-tỏ cái sự-nghiệp mà vì ngu-dại như lũ mọi Nam Phi kia chúng ta đã làm mai-một đi nhiều.

Đọc những bài ấy, ta có thể tưởng-tượng ra những cảnh, những « xen » rất linh-hoạt, rất hoàn-toàn về các ngón chơi khăm, về tài mẫn-tuệ của nhà thi-sĩ Nam-thành.

Một ông huấn-đạo ở Mỹ-Lộc (Nam-định) cùng lên Hà-nội chơi với hai ông bạn đều là khoa-giáp xuất-thân, rủ nhau

chụp một bức ảnh để làm kỷ-niệm. Về Nam, các ông tìm Vị-xuyên, kéo nhau ra quán đánh chén và cốt để cậy nhà thi-hào để cho một bài vào ảnh. Chạm chén đầu, ông Huấn Mỹ-lộc mở khăn vải điều lấy ra tấm hình mà ông đã kính-cẩn và kỹ-lưỡng gói vào như ảnh của bà Cửu-thiên huyền-nữ hay của ba ông tướng Tàu : Quan công, Quan Bình và Châu Xương. Vị-xuyên nhìn thấy ba bạn khăn áo chỉnh-tề, bệ-vệ ngồi ngang nhau, người nào cũng lưng thẳng, ngực phồng đủ cả hai tay, mười ngón, trông rất chăm-chỉ nghiêm-trang. Bỗng ông nhếch một nụ cười. Ba ông đồ bấy giờ mới giật mình. Không nói ra, ai nấy đều hiểu là mình vừa làm một chuyện hớ ! Cậy Tú Xương đề ảnh, chỉ tỏ làm cái đích cho ông bắn những mũi tên độc kia. Ba ông muốn rút lui, nhưng đã chậm quá rồi. Lanh như con hổ vồ mỗi ông Tú đã cầm bút vạch ngay sau lưng bốn hàng chữ nô-m. Ba ông bạn châu đầu lại, lo-lắng mà tọc-mạch, đọc lên như thế này :

*« Cử Thẳng, Huấn Mỹ, Tú Tây-hồ,
Ba bác chung nhau một cái... đồ !
Mới biết trời cho sum-họp mặt,
Thôi đừng chê nhỏ lại cười to ! »*

Ba ông bấm bụng ôm ảnh ra về.

Tú Xương thường hay liêu-lĩnh ; không tiền mà vẫn về chơi xóm ả-đào. Người ta trọng-đãi ông, vì ông là một nhà thi-sĩ tao-nhã, ăn-nói vui-vẻ, lại hay cho chị em nhiều bài hát ý-vị thâm-trầm. Nhưng mà hát chịu mãi thì cũng bất tiện cho chị em, vì bà chủ hẳn không ưa lắm. Mỗi tình của khách giang-hồ có chẳng chỉ đối với bạn hồng-nhan, thừa đâu đến bà chủ, để bắt bà chịu những thiệt-thòi ấy ? Và

chăng đối với hạng người ấy, tình là cái mồi để câu một thứ khác, kêu hơn, nặng hơn kia : tiền. Cho nên người ta đã quyết-định phải đến lượt ông Tú chịu thiệt một bữa. Bữa ấy là bữa ông mất cái ô tây :

*« Hôm qua anh đến chơi đây,
Giày đôn anh diện, ô tây anh cầm.
Rạng ngày sang trống canh năm,
Anh dậy em vẫn còn nằm trơ trơ.
Hỏi ô ? Ô mất bao giờ !
Hỏi em ? Em cũng ẵm-ờ không thưa !
Sợ khi rày gió mai mưa
Lấy gì đi sớm về trưa với tình ! »*

Hay nhất là sự ông đã hiểu vì sao ô mất, và ai lấy ô. Những cử-chỉ khả nghi của người bạn một đêm : *« Anh dậy em vẫn còn nằm trơ trơ... »*

Với lại : *« Hỏi em ? Em những ẵm-ờ không thưa ? »*

đủ chứng cho ông rõ. Nhưng nhà thi-sĩ không cần để ý đến chuyện nhỏ-nhặt ấy ; thương-tiếc, tức-giận, sợ bà Tú hay chăng ? Nào ai biết ! Nhà-thi-sĩ chỉ than một câu, nó tình-tứ biết bao ? ý-vị biết bao ?

*« Sợ khi rày gió mai mưa,
Lấy gì đi sớm về trưa với tình ! »*

Thật là cứu được cả sĩ-diện, mà tỏ ra một người si, ngoài chữ tình, không thềm kể một vật gì, dù là một cái ô tây cũng vậy !

Lần khác, để chế-diều ông Đốc-học trong tỉnh, chính ông Đốc có những vết lang ở cổ đã được nói đến ở một trang trên, thi-nhân chỉ lơ-lửng tặng cho một bài thất-ngôn tứ-tuyệt, văn-khí khoan-hòa, tư-tưởng tao-nhã, mà nghiệm ra thật « đau quá đòn thù, rát hơn lửa bỏng » nữa :

*« Ông về đốc-học chữa bao lâu,
Cờ bạc giông chơi rặt một màu.
Học-trò chúng nó tội gì thế ?
Đến nỗi cho ông vớ được đâu ? »*

Lại xem bài sau này làm tặng một ông phòng-thành tên Pháo, ông Phòng « Thành đen kịt » ấy, mới biết rằng về những món tiểu-xảo, ông Tú Xương chẳng thiếu món nào :

*« Tượng, tượng, xe xe phá lẻ rồi,
Sĩ điều sĩ trắng chẳng thành đôi.
Đố ai biết ngỏ quân nào kết ?
Mã đã chui rồi tốt cũng chui ».*

Ai thạo cờ tam-cúc, đọc lên đủ hiểu ông nói cái gì rồi ! Thật là một bài đố ngộ-nghĩnh mà ông Thành Pháo giá có xem đến, tất phải phục lẫn cái trí xảo-quyệt của vị thi-sĩ Nam-thành.

Tam-nguyên Yên Đỗ là bậc cự-phách trong làng thơ thuở bấy giờ, đọc đến bài này cũng phải thán-phục lắc đầu mà than rằng : « *Vị-xuyên thật có thi-tài quán thiên-hạ, tiếc vì không có phận mà thôi !* »

Lại xem như hai câu rớt của bài « ÔNG CÒ » đã chép ở mục trên, thật là châm-phúng một cách cay-nghiệt độc-địa có thể làm chết điếng người đi :

*« Ngơ-ngẩn đi xia may vớ được,
Chuyến này ắt hẳn kiếm ăn to ! »*

Hoặc là hai câu rớt của bài « GỬI ÔNG ẤM ĐIỀM » sau khi đã hết sức ca-tụng cảnh-ngộ phong-lưu của bạn, nào là :

*« Ruộng vườn đất cát vừa ba thước,
Nửa lá tre pheo kể mấy toa... »*

Cùng là :

*« Mới sáu bạn sinh đà sáu cậu,
Vừa hai dinh ở có hai bà... »*

Mà ông lại còn hạ một câu ác-hại như thế này, nó càng có vẻ tự-nhiên bao nhiêu, càng thành-thật, mộc-mạc bao nhiêu, lại càng cay-chua thắm-thía bấy nhiêu :

*« Nhác trông mỗch thếch như trắng gió,
Ông được phong-lưu tại nước da ! »*

Vị-xuyên còn có tài hạ những câu thơ không tục một tí nào để diễn những ý-nghĩ hết sức tục. Thí-dụ như bài chế cậu công-tử kia ở Nam-thành, đồng thời với ông, mặc dầu cha đã qua đời rồi, mà cậu vẫn cứ lên mặt, thường thường đi đâu cũng có tráp, diếu, lính hầu vênh-vang tự-đắc. Có bà mẹ cậu hay đi lễ-bái ở chùa Phù-lương mà lại dan-diu tư-tình cùng chú tiểu chùa ấy. Ghét mặt, Vị-xuyên làm hai câu thơ chế cậu Ấm kiêu-căng nọ :

*« Thôi đừng điều tráp vênh-vang nữa,
Thằng tiểu Phù-lương nó « chửi » mày ! »*

Thật là kín-đáo mà mạnh-mẽ, tao-nhã mà cay-độc gớm-ghê ! Người ta không có thể thần-tình hơn nữa !

Ngót nửa thế-kỷ sau, chúng ta họa chẳng mới có một người, một thôi, theo đòi « trường trào-phúng » của Trần tế Xương đã thiết-lập ra : tôi muốn nói đến tác-giả cuốn GIÒNG NƯỚC NGƯỢC, Tú Mỡ ! Thế là chưa kể rằng chúng ta ngày nay được bao nhiêu khoa-học âu-tây mở-mang trí-não, cách lập ngôn theo phương-pháp luận-lý khôn-khéo ra thế nào, những tư-tưởng mới-mẻ sinh theo luồng sóng văn-minh mới, rộng-rãi, cao-xa, thâm-thúy, phức-tạp đến thế nào ?

Xem thế, ta phải hiểu tài ông Vị-xuyên, một người sống ở thế-kỷ trước !

XI. LỖI THƠ KHẨU-KHÍ

CÁC nhà văn-hào ta xưa nay hay bắt-chước nhau làm một thể thơ gọi là thơ khẩu-khí, nghĩa là trong ấy hơi văn, lời nói tỏ rằng tác-giả có khí-tượng lớn-lao. Đến phải vịnh một vật gì, dù là vật đê-tiện tồi-tàn, họ cố tìm những câu bóng-bẩy cao-xa, làm thế nào cho vật ấy hóa ra uy-linh cao-quí. Nhân thể bọn văn-nhân xưa có cách phê-bình rất hàm-hỗ, vô-lý : chỉ nghe giọng văn, họ tự phụ đoán biết tương-lai số-mệnh người làm ra văn.

Người ta đã biết Cao bá Quát bị chém chết. Thế là những việc-ông ta làm khi còn học-trò, hay khi đã làm quan ở Triều-đình Huế, nhất nhất đều bị họ dẫn cho cái khẩu-khí làm giặc. Sau khi ông và Cao bá Đạt chia nhau đỗ đầu và thứ nhì khoa thi Hương năm 1831, vua Minh-mệnh có ra một câu đối : « *Nhất bào song sinh, nan vi huynh nan vi đệ* ».

Ông Quát ứng khẩu đối : « *Thiên tài nhất ngộ, hữu thị quân hữu thị thần* ».

« *Các quan trong triều đều bằng vào cái khẩu-khí ở trên mà đoán trước rằng sau này ông sẽ là một tay đao để* ». Hay ít ra, ông Nguyễn tường Phụng khảo-cứu thấy vậy, rồi diễn-thuyết ở Hà-nội, ông nói lại như vậy ¹⁰. Phần tôi trong vế đối ấy, tôi không thấy chỗ nào là có khẩu-khí tỏ ra « một tay đao để » cả. Trái lại, tôi tưởng rằng đó là một lời nịnh rất khôn-khé, rất thần tình, rất « mẫn tiệp », tỏ ý muốn làm đẹp lòng vua, khác nào những câu nịnh hót của những

cận-thần triều vua Louis XIV. Bằng-chứng ở chỗ ông Quát sửa câu đối ở điện Thái-hòa :

*« Thần khả báo quân ân,
Tử năng thừa phụ nghiệp ».*

Mà ông đối làm :

*« Quân ân thần khả báo,
Phụ nghiệp tử năng thừa ».*

Thì ông rõ là một người hết sức giữ-gìn thượng-hạ tôn-ti, yêu trật-tự, kính-trọng lễ cũ lối xưa, nhất-thiết trung-thành với chính-thể quân-chủ, đây là khẩu-khí của một kẻ phản-nghịch Triều-đình ?

Cập-kỳ ông dấy loạn bị bắt, nhốt trong cũi, ông có ngâm hai câu :

*« Một tấm ván lim ngồi thế Đế,
Hai vòng xiềng sắt đứng thời Vương ».*

Hai câu ấy, tôi đổ ai dám khen là có khẩu-khí đế-vương, tuy ai cũng đã thấy rõ-ràng những « Đế » cùng « Vương » cả đấy ? Vì sao ? Là vì ai cũng biết rằng chỉ mấy phút sau là ông ta đã bị « một lát gươm đưa bỏ mẹ đời ».

Lại như hai câu người ta bảo của Lý công Uẩn đã ứng khẩu, khi còn nhỏ, bị thầy học trói co chun suốt đêm, để phạt tội lười :

*« Dạ thâm bất cảm tràng thân túc,
Chỉ khủng sơn-hà xã-tắc điên ! »*

*(Đêm khuya không dám dan chun duỗi,
Chỉ sợ sơn-hà xã-lắc xiêu !)*

Ở đây, người ta lại quả quyết là giọng văn có khí-tượng đế-vương ! Kể cũng không lạ, vì người ta biết nhà Lý đã lên ngôi Nam-đế. Nếu Lý công Uẩn chỉ là một anh sãi nổi nghiệp thầy Vạn Hạnh, hẳn không ai đếm-xỉa đến làm chi, hoặc không bao giờ có câu ấy nữa. Nhưng ở chỗ này ta không cần biết câu chuyện khẩu-khí ấy thực hay hư. Ta chỉ hỏi : gọi khẩu-khí là khẩu-khí ở chỗ nào ? Sơn-hà xã-tắc là cái gì ở đấy mà sợ đuổi chươn đồ xiêu đi ? Ở trong một phòng học, bất quá chiếc ghế, bộ ngựa, cái yên, mấy chồng sách là cùng. Hoặc nữa, nói cho hết lý, giả-sử trò Uẩn lười kia bị buộc gấn một non-bộ, có đủ núi, đủ sông, nhưng những vật ấy sao dám gọi là xã-tắc ?

Nếu cứ thế mà gọi là khẩu-khí, thì anh hay tôi đều có thể nói nghìn vạn cái khẩu-khí hơn.

Trên kia là chuyện khẩu-khí đế-vương. Bây giờ lại có thứ khẩu-khí khiêm-tốn thực-thà hơn : người làm thơ chỉ mong giật lấy cái bằng Hương-cống (cử-nhân) cón-con, làm một viên quan nho-nhỏ, rồi dần dần, nhờ thời-gian, nhờ vận đò, lên đến chức trọng quyền cao. Vịnh bài thơ « MÈO BẮT CHUỘT » anh ta nói :

*« Chí quyết phen này vồ lấy cống,
Rồi lên đài-các sẽ nghêu-ngao ! »*

Nhưng chín mươi phần trăm bài thơ khẩu-khí đều thổ-lộ ra giọng một bậc trung-thần, suốt đời chỉ mong đem tài thao-lược báo đền ơn vua nợ nước, và một con chó đá, thi-nhân cũng cố sao cho ra khí-tượng một ông quan đốc lòng thờ chúa ! Ta xem đây :

*« Quyền trọng ơn trên trấn cõi ngoài,
Cửa nghiêm chêm-chẽm một mình ngồi.
Quản bao sương-tuyết chi nào kể,
Khéo giữ cao-lương cũng chẳng nài.
Mặc khách thị-phi dương tráo mắt,
Những lời trần-tục biếng vào tai.
Một lòng thờ chúa nghìn cân nặng,
Bền-vững ai lay cũng chẳng rời ».*

Các bạn có biết vì sao mà như vậy không ? Những bài thơ ấy đích là của mấy anh đồ kiết-xác, riêng mình đã không có tư-tưởng tự-do, cao-thượng, lại sống vào một thời-đại quân-chủ chuyên-chế, phi cách xu-nịnh chính-phủ đương thời, thì khó mong chen chun vào trường danh-lợi. Mà cái nguyện-vọng duy-nhất của kẻ nho-sĩ là làm một ông quan. Cho nên, trước khi làm được, họ đua nhau làm thơ khẩu-khí, để có dịp trải mặt phơi gan cho người ta biết, để rao to cả bốn phương trời là mình một lòng trung-thành, bình sinh quyết chí giúp nước phò vua.

Sự nịnh-hót vô cớ ấy đã thành một cái lệ, một cái phong-tục. Trong khoa-cử, như về món văn-sách chẳng hạn, bất luận đầu đề ra thế nào, cho dầu trước muốn nói trời đất gì gì, văn bài của học-trò sau hết phải kết-luận bằng những lời khen-ngợi những triều vua hiện tại, mà bao giờ cũng phải cho là thịnh-trị thái-bình. Cũng như các vè, các truyện, đoạn đầu phải để dành cho việc tán-tụng nhà vua.

Tôi lại nhớ đến lối hát tuồng cổ của ta, trong ấy các tài-tử, mỗi khi ở giữa sân-khấu, hát đến chữ gì hình-dáng về

vua chúa, thì phải chấp hai tay đưa lên ngang mày, tỏ ý sùng-thượng, kính-cẩn, thậm chí nói đến những chữ Hoàng-gia, Trào-ca, Nhà vàng, Bệ-ngọc, v.v... họ đều phải chấp tay đưa lên cả.

Nay hãy nhắc lại mấy nhà thi-sĩ có tiếng xưa kia : như Lê Thánh-tông chẳng hạn. Ông này đã nổi tiếng thơ hay vì những khí-tượng đế-vương đài-các. Nhưng tiếng ấy, tôi tưởng là lạm-hưởng mà thôi, vì các cách khẩu-khí như trên đã giải, đã là những điều cần phải vứt bỏ đi, thì còn gì trong thi-văn Hồng-đức nữa ?

Ta thử lấy vài câu trong bài vịnh « BỒ NHÌN ». Sau khi mở đầu bằng một giọng điệu vũ dương uy, một câu xướng của anh tướng phiên hay kếp núi trong tuồng cổ :

*« Quyền trọng ra uy, trấn cõi bờ !
Vốn lòng vì nước, há vì rùa ?... »*

Tác-giả tả hình-dung, nói rõ tài tiểu-trừ muông chim, tính khinh-thị người, gọi chẳng thềm thưa (gọi mà thưa được, họa chẳng có tác-giả đội nón mang tơi, thân hành ra đứng làm con bồ-nhìn) rồi tác-giả kết-luận một cách vô ý-thức :

*« Mặc ai nháy-nhót đường danh-lợi,
Ơn nước đầm-đìa hạt móc-mưa ».*

Thật là sáo ! Sáo đặt ! Tôi sẽ nói ra thế nào ở mục sau.

Còn như tả một thặng ăn-mày mà làm nó thành ra một nhà triệu-phú, ngao-du khắp thiên-hạ để thưởng-ngoạn phong-cảnh ; ra một người, mà về cảnh-ngộ, ai nghe cũng

chỉ mong được đến như thế là cùng, thì còn chân-ly ở đâu, nhân-đạo ở đâu nữa ? Lê Thánh-tông há lại ác-nghiệt tàn-bạo đến thế ư ? Tôi không quá lời. Ta xem đây :

*« Chẳng phải ăn đong, chẳng phải vay.
Lộc trời để lại được ăn-mày,
Hạt châu chúa cất trao ngang miệng.
Bệ ngọc tôi từng đứng chấp tay,
Nam bắc đông tây đều đến cửa,
Trẻ già trai gái cũng kiêng thầy.
Đến đâu sẵn có lâu-đài đấy !
Thu cả càn-khôn một túi đây ! »*

Phong-lưu tài đởm như vậy thì không hiểu cái anh dân nước Tề trong sách Mạnh-tử kia điên gì lại không chịu nói thật quách với hai chị vợ rằng mình được làm đến ăn-mày, chẳng oai hơn là cứ hằng-ngày xách bị đi xin, tối về nói dối là đi thăm ông Công nọ, ăn-ở nhà ông Khanh kia cho hèn chức-phận mình đi ?

Nếu ta đem bài thơ ấy đọc cho bọn ăn-mày nghe, phỏng như hiểu được, họ không khỏi mắng cho. Họ sẽ gân cổ bảo :

« Nói bậy ! Này các ông xem : da bọc xương, suốt đời không ăn được một bữa no, trời rét lạnh đứt ruột, nằm ở đầu cầu xó chợ, không chiếu, không chăn, không áo ! Nam, bắc, đông, tây phải đi mòn chùn mõi gối, chỉ để xin lấy miếng cháo thừa, mảnh giẻ rách. Trẻ già trai gái có kiêng, chỉ vì họ gớm, họ rầy-ruồng, họ coi chúng tôi như những tên phong, tên hủi ; họ sợ thối, sợ tanh. Hay là họ sợ trộm mất của của họ đi. Các ông giàu-sang ở trong cửa kín lâu

cao, đã hết thức chơi đâu mà đem chúng tôi ra nhạo-báng, làm trò cười ? Vô nhân-đạo ! Vô lương-tâm ! »

Nếu trong cả nước, ai nấy đều bỏ địa-vị mình để giành cho kỳ được cái địa-vị sang-trọng, đáng ganh như địa-vị người ăn-mày mà Lê Thánh-Tông đã tả, thì không biết là ông sẽ là ông vua gì trong cái giang-sơn hiển-hách của vị anh-hùng đất Lam-sơn đã để lại cho ?

Nói tóm lại, lối văn khẩu-khí là một lối văn giả-dối, và người làm ra nó đã lợi-dụng một đời ngu-độn, khờ-khạo, dễ lường-gạt, để loè bắng những cái trá-ngụy, để người ta phải kiêng-nể mình, kính-trọng mình khi nghĩ đến địa-vị, đến cảnh-ngộ bông-lông bịa-đặt sau này của mình ! Lối văn khẩu-khí che-lấp sự thực, bôi lọ chân-lý một cách xác-xược, tàn-bạo, cấu-hạnh.

Trần tế Xương, một nhà thi-sĩ tự-do, mà cũng rơi vào cái tệ ấy. Tiếc thay !

XII. NHỮNG VẾT BÂN TRÊN BỨC TỜ

TÚ XƯƠNG, một kẻ hàn-nho, suốt đời đau-khổ, có khi cũng lấy giọng đài-các, khẩu-khí. Cái ấy không hay gì cả, nhất là không hay cho danh-tiếng, cho vinh-dự ông. Trong bài « GỬI CHO BẠN Ở TÙ », ông đã rơi vào lối tầm-thường, ông đã bắt-chước người ta nói khoác, ông làm mất cái chân-tướng của ông, chân-tướng tự-do, cường-trực :

*« Cái cách phong-lưu lọ phải cầu,
Bỗng đâu gặp những bạn đâu đâu ?
Một ngày hai bữa cơm kê cửa,
Nửa bước ra đi lính phải hầu.
Trong tỉnh mấy tòa quan biết mặt,
Ban công ba chữ gác ngang đầu.
Nhà vuông thông-thả năm chơi mát,
Vùng-vẫy tha hồ thế cũng âu ».*

Tôi muốn ép-uống tự bảo rằng bài ấy chẳng qua để diễu một người bạn, và Tú Xương xưa nay vẫn có tính khôi-hài, ông muốn bông-đùa với bạn, mong giải khuây nỗi buồn người tù trong khám, thì bài ấy, nếu chẳng có ích, cũng không đến nỗi hại.

Nhưng không ! Chúng ta không nên tha thứ những cái sáo đặc, những điều nhỏ-nhen, đê-hèn, tiểu-nhân, nhất là khi nó sản-xuất do một kẻ nổi tiếng trượng-phu ngang tàng.

Thì còn chán gì bằng nghe những ý-tưởng trong hai câu :

« Một ngày hai bữa cơm kê cửa,

Nửa bước đi ra lính phải hầu... »

nó chứa rặt những ý-tưởng trưởng-giả, lười-biếng, ty-tiện, nguyện-vọng bình sinh của người hèn-nhát

Lại như : « *Trong tỉnh mấy tòa quan biết mặt... »*

Thì có vinh-quang gì sự quan trên biết mặt ! Cái tâm-địa ấy, ta phải đánh đổ đến kỳ cùng.

Còn dùng mấy chữ : « *Ban công ba chữ (!) gác ngang đầu »* để chỉ cái gông mang ở cổ, thì thật là vô nghĩa-lý...

Tôi rất phiền lòng mà thấy những vết nhơ-bẩn ấy trong sự-nghiệp hiển-hách của Trần tế Xương ! Trong lịch-sử văn-học, ta không cần có những hai Lê Thánh-tông, những thi-văn khẩu-khí như tập Hồng-đức, nó đương nhiên đã bày ra một thể văn ngộ-nghĩnh, đặc-biệt cho văn-giới nước nhà, không có nước nào có nữa. Nhưng chừng ấy vừa đủ, đã đủ lắm.

Như trên kia đã nói, hể một người làm mất bản-tướng mà rơi vào chỗ vi-tiện thường tình thiên-hạ, tức là người ấy làm mất luôn cái chân giá-trị của mình, vì bao giờ cũng vậy, cái hay, cái quý chỉ vì hiếm, vì khác tất cả mọi vật, mới là hay, là quý.

Vịnh bài thơ « TÁT NƯỚC », Trần tế Xương đã đẽ đẽp cái chân-tướng ngang tàng của ông mà dùng một điệu văn ngàn vạn anh đồ hủ đều dùng. Thoạt mới vào đã là mấy câu sáo :

*« Giấc mộng Nam-kha khéo chập-chờn,
Giữa trời riêng một cảnh giang-sơn.*

*Cỏ cây vui mắt nằm yên ngủ,
Sấm sét bên tai dạ chẳng chồn ».*

Tả những cảnh không nhất-định, trong những thời-kỳ không nhất-định, đương ở một cảnh yên-vui, mà phóc ngay qua chuyện giông-tổ, sấm-sét, để nhảy về một chỗ mát-mẻ êm-đềm :

*« Chênh-chếch đèn trắng soi trước bóng,
Hiu-hiu quạt gió phẩy bên sườn ».*

rõ là cách đóng tiếng ghép vần cho đủ âm-điệu, không kể gì đến ý-nghĩa, đến luận-lý. Hai câu sau này mới thật là sáo đặc :

*« Bởi vì NỖI NƯỚC nên ra sức,
Bao quản phong-trần mảnh áo đơn ».*

Cả bài, trừ câu thứ bảy ra không nói gì đến việc tát nước, và đều thích-hợp cho tất cả các việc làm đêm ngoài đồng-nội như chần trâu, soi ếch, canh dưa, chơm cá, v.v...

Cái khéo vặt trong bài này, là ở nơi chữ NƯỚC dùng hai nghĩa, nghĩa bóng và nghĩa đen : cũng là khẩu-khí đấy !

Trên kia chúng ta đã thấy câu của Lê Thánh-tông, trong bài « BỒ NHÌN » : « Ơn NƯỚC đầm đìa hạt móc mưa ».

Nếu dư công tìm-tòi, ta sẽ thấy hàng vạn câu dùng chữ NƯỚC một cách điểm-đàng như thế :

« Một trận ra oai trong NƯỚC lặng ! »

(cũng tương-truyền của Lê Thánh-tông, CÁI ĐIỀU)

« Ai biết trời đem lộc NƯỚC cho ».

(Nguyễn công Trứ, ĐI ĐƯỜNG GẶP MƯA)

« Lòng này chung một NƯỚC mà thôi ».
(Nguyễn công Trứ, VỊNH CÁI ĐIẾU)

« Thế vững tam sơn chăm việc NƯỚC ».
(Yên Đổ, VỊNH HỎA LÒ ĐUN NƯỚC)

« Bóp lòng mà chịu hai dòng NƯỚC ».
(Tương an Vương, ĐI THUYỀN)

« Ngồi trên NƯỚC không ngăn được NƯỚC ».
(Tương-truyền của vua Duy-tân, CHƠI ĐÒ)

« Biết đâu nghiện NƯỚC vậy mà say ».
(Phan sào Nam, SAY NƯỚC)

« Khốn nỗi chết mầy thì chết NƯỚC,
Nặng lòng thương NƯỚC phải thương mầy ».
(Phan sào Nam, THAN VỚI CON GÁNH NƯỚC)

« Yêu NƯỚC nên ta nhớ NƯỚC hoài ».
(Lữ Đông, NGHIÊN NƯỚC TRÀ)

« Tha hồ giông-tổ liều theo NƯỚC ».
(Thế Nhu, CÁI THUYỀN)

Lại còn câu chuyện đãi tiệc của ông Ích Khiêm ai lại không nhớ. Hồi ấy quốc-sự rối tung, biển ở trong, loạn ở ngoài, người chí-sĩ nhìn thời-cuộc phải cảm-giận đau phiền. Một hôm nọ, ông Ích Khiêm làm tiệc đãi cả bá quan văn võ. Đồ ăn rất mặn. Tiệc xong, ai nấy đều gọi nước uống. Nhưng đợi mãi cũng không có. Thì ra ông Khiêm đã ra lệnh cấm dọn nước, để ông có cơ mắng người nhà :

« Chúng bây là đồ vô-lại ! Lo mặc cho sống, lo ăn cho no, chớ không tưởng gì đến Nước ! Chém tất cả những quân

vô dụng ấy cho ta ! »

Chúng ta vừa thấy mỗi một chữ NƯỚC mà người ta dùng tràn-đìa như vậy, thi phỏng cách dùng còn giá-trị gì ? Bài thơ « TÁT NƯỚC » thật không xứng đáng chút nào với thiên-tài lộng-lẫy của nhà thi-sĩ Vị-xuyên.

XIII. MỘT CÁI ÁN NẶNG CHƯA TỪNG CÓ TRONG CÁC HÌNH-LUẬT

TÔI không nhớ đọc ở sách nào, hay nghe một người nào kể lại cái câu chuyện hình-phạt dưới Âm-ty, câu chuyện tuy khôi-hài, huyền-hoặc nhưng cũng đủ mô-tả một cái thực-trạng một cách xác-đáng rõ-ràng. Câu chuyện ấy như thế này :

Anh chàng nọ lúc sinh thời phạm nhiều tội ác. Sau khi chết, phải ra đối-nại trước tòa-án Diêm-vương. Tập hồ-sơ nặng-nề, trầm-trọng lắm. Cưa xương, róc thịt, nung lò lửa, thả vạc dầu, cho đến tất cả các thứ gia-hình ghê-gớm nhất mà ta có thể tượng-tượng, thầy còn nhẹ đối với những tội ác anh ta đã gây nên. Bắt anh ta phải chết lại một lần nữa, chẳng hóa ra làm cho anh ta sung-sướng đi mất !

Các ông mặt sắt đương còn bối óc suy-nghĩ, thì có một ông đứng dậy tâu rằng : « *Hạ-thần có cách này mới xứng-đáng tội-trạng của bị cáo-nhân : là cho hắn sống lại* ».

Mọi người đều kinh-ngạc. Ông ta cứ điềm-nhiên, thủng-thình : « *...Cho lấy người vợ thật sây con...* »

Lại nghe tiếng ừ-è hai bên mình tỏ ý bất phục. Ông ấy nói tiếp : « *...và cho thi đỗ Tú-tài* ».

Đến đây thì cả cử-tọa, từ quan Chành-án là vua Diêm-vương, cho đến tên lính hầu là thằng Qui-sứ đều cười rộ lên để nhạo-báng ông quan đã tuyên cái án kỳ-quặc ấy. Ông ta phải giảng rằng trên nước Việt-nam, đỗ tú-tài vẫn chưa

được bổ-dụng, mà danh-vọng một ông Tú đủ bắt ông ta không được làm một việc lao-động cón-con nào ; thêm nỗi đông con thì tất cả nhà phải ôm nhau nhịn đói. Lúc bấy giờ ai nấy mới hiểu rõ, đâm ra cười rĩ-rượi, lần này hẳn cái cười vui-sướng tán đồng.

Trần tế Xương cũng là một ông Tú-tài thất-nghiệp, cũng phải cái nạn đông con, suốt đời chỉ lao-đao lận-đận, đau-khổ như đang chịu cái hình-án vừa kể ở trên. Và tôi chắc rằng các bạn cũng như tôi, hẳn đã biết qua đời ông Vị-xuyên, hẳn đều có cái hội-ý bất kính ấy.

Là một nhà nho-sĩ, lấy bình-thường mà nói, cái hy-vọng tối-cao, cái hy-vọng duy-nhất là sự thi đỗ làm quan. Thế mà ông Tú Xương, trong hơn hai mươi năm trời, luôn tám khoa, đều hỏng cả, họa chẳng chỉ được một cái bằng Tú-tài nho-nhỏ, nó càng hại ông, ngăn-trở ông trong việc sinh-nhai lao-động.

Hẳn có người cho thế là hèn-nhát, trách ông đã mang tấm thân tu-mi nam-tử, chẳng nuôi vợ con thì chớ, lại còn làm con ký-sinh-trùng, ăn-chơi phá-hoại. Tôi tưởng lời quở-trách ấy khi quá đáng, và có oan cho kẻ lưu-lạc giang-hồ.

Sinh ra trong một xã-hội mà bao nhiêu công-việc lao-động đều về phần-đàn-bà và bọn đàn-ông ngu lố, trong một thời-đại mà người ta rất trọng, chỉ trọng một cái nho-học, ai đã lỡ làm nho-sinh, tức là đã nhận ngầm cái địa-vị « ăn lại năm » ; không được kiếm tiền bằng các dùng quản bút và học-lực của mình.

Sự ở nề, thành-thử đã thành một cái vinh-dự. Ai ra làm việc lao-động, tức là đã nhận lấy tiếng đê-nhục về mình, đã chịu đón rước những sự khinh-dể vì ngu-xuẩn, vì dốt-nát, vì u-mê. Con nhà nho không được nắm cái cày, cái cuốc. Dư-luận đối với họ rất là cay-nghiệt, nghiêm-khắc. Trong lúc địa-vị quan và dân phân-biệt nhau như trời với vực, dư-luận không chịu để cho một người hôm qua còn đẩy con trâu ngoài đồng ruộng, mà hôm nay lên cầm cân pháp-luật, làm chúa-tể cho hàng nghìn, vạn, ức người. Cái thời-kỳ Y Doãn, Điền Đương đã xa lắc, xa lơ, tịt mù trong lịch-sử.

Ra giữ một địa-vị danh-vọng, phải là một người đã sẵn có danh-vọng.

Cái tình-thế ấy đã bắt-buộc bọn văn-nhân phải mặc áo lụng-thụng, để búi tóc, cho móng tay ra dài cuốn đuôi heo. Thậm chí có kẻ không biết làm gì, phải tự trồng lên da giống bệnh ghẻ, để gãi cho qua, ngày tháng. Các bạn cười, vì các bạn không đồng sống một thời-kỳ với họ. Họ đã dành cái bệnh mà chúng ta cho là ghê-tởm ấy, làm vật sở-hữu, quý-báu, tốt-đẹp của mình.

Cho nên dù ông Tú Xương có liều chịu chửi bòn tay lấm mà làm-ăn, trước dư-luận bao giờ cũng chực sẵn để mỉa-mai, dầy-vò, vùi-lấp những người khốn-nạn ; ông cũng chẳng có gan nào. Dẫu cho ông có phát câu tự bảo :

*« Hán-tự chẳng biết Hán,
Tây-tự chẳng biết Tây
Quốc-ngữ cũng mù-tịt,
Thôi thôi về đi cày !... »*

Chẳng qua là trong lúc bức chí mà nói vậy thôi, chớ biết khổ, nhà thi-sĩ cũng đành bó tay chịu khổ.

Cảnh-ngộ này cũng giống như cảnh-ngộ của nhiều nhà quý-phái nước Pháp về thế-kỷ thứ XVII, XVIII. Ôm những bức tường đồ nát của cái lâu-đài thiên-cổ mà cha ông để lại từ mấy mươi đời và một cái danh nhà to-tát lẫy-lừng, những người khốn-nạn ấy đành nhịn đói, chờ chết, chớ không thể ra dành với đám thường dân những công-việc bằng tay !

XIV. NHỮNG ĐOẠN CUỐI CỦA ĐỜI MỘT THI-SĨ

ÔM một chức tú-tài vô-dụng, một cái hư-danh nó vùi-lấp nhà thi sĩ vào cảnh khốn-đốn như chúng ta vừa thấy, ông Tú Xương chỉ mới chịu có nửa phần trong cái hình-án cay-nghiệt kia ! Ông còn phải đau-khổ nữa.

Thì bà Tú, trong khoảng mười mấy năm trời, hết sinh đứa này, lại có thai đứa khác. Mỗi lần ở cữ thì công-việc buôn-bán lại phải bỏ dở. Rồi để cho bà được chạy ngược chạy xuôi, ông Tú phải chăm-nom đến cả bầy con dại.

Gia-chi-dĩ còn một chiếc nhà tranh nho-nhỏ, vài ba thước vườn hoang, bởi vì quá tin một người bạn, ông Tú Xương đứng bảo-lĩnh một món nợ mà người kia không thể trả được, hay là không muốn trả, vườn nhà ông bị chủ nợ tịch-biên :

*« Văn-chương ngoại hạn quan không chấm,
Nhà cửa giao canh nợ phải bồi.
Tin bạn hóa ra người thất thố,
Vì ai nên nổi chịu lầm vô ! »*

Than ôi ! Còn đâu là những khi ngất ngưỡng ở Hàng Thao, Phố Mới, ở những tửu-điểm cao-lâu ? Thời-gian có đi, nhưng cảnh gia-đình của thi-sĩ càng ngày càng bối rối, thâm-thảm. Vào khoảng năm 1900, ta không còn thấy cái anh chàng xinh trai vui-vẻ hay rong chơi, hào-phóng nông-cuồng như lối xưa nữa ! Tuy thi-sĩ chỉ vào độ ba mươi, nhưng những vết phong-trần đã in lên trán thông-minh

mẫn-tiếp kia nhiều đường nhăn, làm mất cả vẻ vô tư
bướng-bỉnh của tuổi thanh-niên. Những bài thơ sau này là
những tiếng than-thở thiết-tha, đau-đớn của một kẻ lỡ thời,
bây giờ chỉ cầu lấy một cuộc đời tầm-thường, hấp-hút, có
đủ miếng ăn nuôi nhau, chứ đâu dám ước-mong những địa-
vị phong-lưu sang-trọng ?

*« Biết thân thưở trước đi làm quách,
Chẳng ký, không thông, cũng cậu bồi ! »*

Nói là than-thở, nghĩa là ta hiểu thế, ta nghe giọng văn,
ta cảm thấy như thế, chớ những tiếng than-thở ấy không
phải thi-sĩ nói ra để cầu cho ai thương-hại đến mình. Đại-
trượng-phu không khinh-dể gì bằng sự mình phải làm cái
vật để người ta thương-hại. Nhưng đã là một văn-hào, có
thiên-chức biểu-diễn những tư-tưởng của tâm-hồn, làm tay
nhạc-sĩ gắn lên giây Ly-tao những âm-điệu réo-rắt trong cõi
lòng của mỗi vật có tri-giác vẫn có ; hễ đã có một mối cảm-
khái xúc-động tâm-can, tức là phải thổ-lộ ra ngoài, đó là
một sự cần. Như thế ta phải thấy rõ rằng những câu văn
thống-thiết cảm-động kia không phải là những lời kêu gào
đê-tiện của một kẻ van-lơn người ta đến cứu giúp mình.

Trong những lúc quẫn-bách, về lỗi sau này, nó cứ đeo-
đuổi hoài con nhà thi-sĩ cho đến ngày lâm-chung, ông Tú
Xương tịnh không lên tiếng oán trời, trách người, vẫn nhìn
cảnh-ngộ bằng một con mắt thản-nhiên, điềm-tĩnh, nhẫn-
nại, như một khắc-kỷ triết-gia. Hoạ chẳng, người ngoài cuộc
có biết được đôi ba điều, những điều ông chịu để cho biết,
những điều ấy, ông nói ra bằng những giọng trào-phúng,
khô-hài, như để nhạo-báng hay để che lấp vẻ thảm-thiết

ảo-não của tâm-hồn đau-đớn. Những câu thơ sau này chỉ muốn cho ta, cùng ông, nhếch một nụ cười gằn. Nhưng than ôi ! cho dầu chưa được là tri-kỷ của thi-nhân, chúng ta cũng không đến nỗi không thấu rõ cái chỗ khổ-tâm chan-chứa ấy. Lắm lúc đêm đông, canh tàn gió lạnh, những cơn « chớp bể mưa nguồn », những khi mình cảm thấy mình như hiu-quạnh, bị lừa bỏ trên cõi đất này, mà âm-thầm ngâm một vài câu trong bài « THAN NGHÈO » hay « ĐAU MẮT », tấm lòng ta chỉ thấy xót-xa rầu rầu và giọt lệ cảm-tình như sắp tràn lên hai mí !

*« Cái khó theo nhau mãi thế thôi,
Có ai hay chỉ một mình tôi.
Bạc đầu ra miệng mà mong được,
Tiền chữa vào tay đã hết rồi.
Van nợ lắm khi tràn nước mắt,
Chạy ăn từ bữa toát mồ-hôi !
Biết thân thua trước đi làm quách,
Chẳng ký, không thông, cũng cậu bồi ».*

Ai đã từng chủ-trương gia-đình ; ai đã đi mưa về gió, làm-lụng để kiếm cho đàn con-cái miếng ăn không thể bỏ qua ; ai đã từng mắc phải cái nạn vay lãi « một vốn bốn lời » đến kỳ ước-hẹn, tiền không có mà chủ nợ cứ đòi, van dứt cuống cổ, lạy gãy đầu gối, mà chúng chẳng mủi lòng ; những người ấy hẳn thấy cái hay của mấy câu thơ giản-dị, tâm-thường này :

*« Van nợ lắm khi tràn nước mắt,
Chạy ăn từ bữa toát mồ-hôi ! »*

Thật là những câu thơ ngâm lên thấy « tràn nước mắt » ra được.

Nhà cửa cầm ; vườn đất bán ; thi mỗi khoa mỗi hỏng ; vợ mỗi năm mỗi đẻ ; bây giờ nếu có phải lưu-lạc giang-hồ, chỉ vì để kiếm kế tha phương cầu thực mà thôi, chớ không phải để ăn-chơi phá-tán như ngày xưa nữa ; cái đoạn đời-sau cùng của một nhà văn-hào nước Việt-nam thật đã chua-cay !

*« Bõ ở một nơi con một nơi,
Bấm tay tháng nữa hết năm rồi.
Văn-chương ngoại hạn quan không chấm,
Nhà cửa giao canh nợ phải bồi. ¹¹
Tin bạn hóa ra người thất thố,
Vì ai nên nổi chịu lầm vô !
Ba-mươi-một tuổi đà bao chốc,
Lặn suối trèo non đã mấy hồi ! »*

Bây giờ hình như mỗi năm là ông làm một bài thơ tự thán, để đánh dấu trong quãng đời tân-khổ. Bài trên này là ông làm về tiết lập đông năm tân-sửu (1901).

Năm quý-mão (1903) ông lại có bài :

*« Ta chưa trang xong cái nợ ta,
Lẽ đâu chịu nợ mãi ru mà ?
Đường con bu nó một năm một,
Tính tuổi nhà thầy ba lẻ ba,
Mở mặt quyết cho vua-chúa biết,
Mua danh kẻo nữa mẹ-cha già,
Khoa này ta học khoa sau đở,*

Chẳng những Lương Đường mới thủ-khoa ».

Cách vài năm sau, lại có bài :

*« Kể đã ba mươi mấy tuổi rồi,
Tôi ngồi tôi nghĩ cái thẳng tôi.
Mấy khoa hương-thí không đâu cả,
Ba luống vườn hoang bán sạch rồi,
Gạo cứ lệ ăn, đong bữa một,
Vợ quen dạ đẻ, cách năm đôi.
Bắc thang lên hỏi ông trời nhé
Trêu-gheo người ta thế nữa thôi ! »¹²*

Thức ăn của nhà thi-sĩ thì rất những :

*« Cơm hai bữa cá kho rau muống ;
Quà một chiều khoai lang lúa ngô ».*

Còn cách mặc thì ba mùa tám kiếp vẫn một tấm áo
« lạnh làm mền, nực làm gỏi » mà thôi :

*« Bức sốt nhưng mình vẫn áo bông,
Tưởng rằng ồm nặng hóa ra không.
Một tuồng rách rưới con như bố.
Ba chữ nghêu-ngao vợ chán chồng.
Đất biết bao giờ xoay vận đỏ,
Trời làm cho bỏ lúc chơi nông.
Tìm chùa tìm cảnh ta tu quách !
Cửa Phật quanh năm vẫn áo sồng ».*

Nói đến gia-đình thì :

*« Người bảo ông cùng mãi
Ông cùng chỉ thế thôi ;*

*Vợ lăm-le ở vú,
Con tấp-tênh đi bồi,
Khách hỏi nhà ông đến ?
Nhà ông đã bán rồi ! »*

Thế đấy ! Cái nghèo ấy là cái nghèo đặc, nghèo không còn chỗ mà nói bóng-gió, nói « khẩu-khí » nữa. Nó không như cái nghèo của ông Nguyễn công Trứ than-thở kêu-rên đủ điều, rốt cục tính lại hóa ra còn có cả rượu uống, có cả bài chơi, mùa-màng còn để dành, thậm chí còn cả lợn nuôi trong máng. ¹³

XV. CÁI CHẾT CỦA TÚ XƯƠNG

NĂM bính-ngọ, Thành-thái thứ 18 (1906) ông Trần tế Xương hỏng khoa thi chót. Mấy năm trước, người ta đã bảo ông đổi tên đi, để thử thời-vận, như người thua bạc đổi chỗ ngồi. Tuy về việc thi-cử, tài học của mình vẫn có kể, nhưng cái ngẫu-nhiên, cái đen đỏ vẫn chiếm một phần quan-trọng ở trong. Cũng không nghe hẳn, nhưng cũng không bỏ hẳn, ông đổi chữ « Tế » lót ở giữa tên ra chữ « Cao ».

Nhưng mà vận xui lại hoàn xui, khi còn Tế Xương đã hỏng, khi thành Cao Xương cũng hỏng nốt. Những bài thơ dưới đây thật là những tiếng gọi nã-nùng thảm-thiết của một người tuyệt vô hy-vọng, đành chịu để cho chút năng-lực cuối cùng tản-mác bay. Thế thì rồi cái Chết phải đến, cái Chết nó đã chực sẵn đâu đấy, vội-vàng lôi cuốn tằm thân tàn !...

*« Trách mình phận hẩm lại duyên ôi !
Đỗ suốt hai trường hỏng một tôi.
« Tế » đổi làm « Cao » nên sự thế
« Kiện » trông ra « Tiệp » hỏi trời ôi !
Mong gì nhà nước còn thi nữa,
Biết rõ anh em chẳng chắc rồi.
Ví phỏng còn thi còn học mãi,
Hao cơm tốn vải, hại mà thôi ! »*

Sự thi hỏng đối với ông Tú như là cái việc đã định rồi, nó không còn làm lạ ông nữa, mà hình như ông đã biết chắc-

chấn trước. Cho nên khi bảng chưa yết, ông đã dặn vợ dặn con rồi ; ông dặn rằng :

*« Ngày mai tớ hồng tớ đi ngay,
Cúng giỗ từ đây nhớ lấy ngày.
Học đã sôi cơm nhưng chữa chín,
Thì không ngậm ớt thế mà cay,
Sách đèn phó mặc đàn con trẻ,
Thương đau nhờ tay một mẹ mầy.
« Cống hi », « mét xì » thông mọi tiếng,
Chẳng sang Tàu, tớ cũng sang Tây ! »*

Trần tế Xương mất ngày rằm tháng chạp năm bính-ngọ – Thành-thái thứ 18 (29-1-1907) thọ được 37 tuổi.

Ngày ấy, nhà quê ngoại ở làng Đệ-tứ, huyện Mỹ-lộc có giỗ. Trời mưa, tiết lạnh. Ông Tú phải đi bộ từ Nam-định về. Đường xa sức yếu – tuy ông mới 37 tuổi – cái tuổi bình thường hùng-dũng lực-lượng trong quãng đời người, nhưng ông thì thật là suy-nhược, vì trăm nghìn nỗi cay-đắng chịu đã bấy chầy, vả lại có lẽ ông mắc phải bệnh đau tim, sinh ra từ buổi chơi-bời lâu-lổng :

*« Một chè, một rượu, một đàn-bà,
Ba cái lãng-nhãng nó khuấy ta ? »*

nên khi đến nơi nhà giỗ, sau những câu chuyện hàn-huyên lấy lệ, trao-đổi với bà-con xa gần cùng họp ở đấy để dự lễ, sau khi uống một vài chén rượu cho ấm bụng, ông xin lên từ-đường, tạm nghỉ lưng trong khi đợi giờ cúng. Ai hay đó là cái điềm những con vật kỳ-linh, biết giờ tận số, lui vào chốn thanh-tịnh, uy-nghiêm, thâm-bí, để chết cho yên,

để che con mắt kẻ phàm-trần thấy được cái màu-nhiệm của linh-hồn khi rời nơi gió-bụi ! Lúc người nhà vào gọi dậy, thì Tú Xương đã mất tự bao giờ !

Như thế là xong đời một thi-sĩ Việt-nam !

Bà Tú Xương hẳn có khóc vì mất chồng.

Con ông Tú Xương có đau-đớn vì mất cha.

Bà-con có buồn-rầu vì mất một người thân-thuộc.

Ai nấy chắc có cảm-động vì cái chết bất ngờ.

Nhưng không ai cảm-động buồn-rầu, đau-đớn, không ai khóc vì mất một nhà đại-thi-hào, vì nước Việt-nam thiệt một bậc vĩ-nhân đã tô-bồi cho nền văn-học thêm tinh-hoa, thêm rực-rỡ !

« Ông sinh không ai biết.

Ông chết không ai hay ».

Cái sự-nghiệp văn-chương của ông để lại cho chúng ta, cho nước Việt-nam, là một cái di-sản quý-báu vô ngần. Cái chức-vụ của người dân Việt-nam, đã được hạnh-phúc hưởng lấy, là phải tôn-sùng, phải phụng-sự đấng vĩ-nhân quá vãng đã cho mình cái phần hương-hoa vô giá kia, như kẻ thừa-tự phải tôn-sùng, phụng-sự tổ-tiên vậy.

Thế mà, trên, những người cầm quyền-chính không bao giờ thèm để ý đến những thứ quốc-bảo ấy – cái ấy đã đành – nhưng, dưới, sĩ-thứ cũng tịnh không có chút gì để tỏ lòng kính-mến, khâm-phục, hâm-mộ cái thiên-tài của một người xuất chúng, siêu quần, hoặc để tỏ rằng chúng ta không phải

toàn là những kẻ vong ân bội nghĩa ! Không, chúng ta không làm gì hết !

Hoặc-giả có người muốn bẻ, chỉ cho tôi cái miếu thờ ở làng Bưởi, và bảo đọc cái linh-vị Thành-hoàng ở trong. Tôi xin đáp rằng : sự cung-hiến đền thờ làng Bưởi cho vong-linh nhà thi-sĩ Trần tế Xương, chẳng qua là một sự ngẫu-nhiên, do một nguyên-nhân huyền-hoặc, vô lý, không quan-hệ gì đến cái chân giá-trị của thi-nhân.

Làng Bưởi gần Hà-nội có xảy ra việc chẳng lành – theo lối nói của bọn dị-đoan ngu-lỗi, người ta gọi là làng ấy động. Tình-cờ thế nào lại có ông tiên-chỉ, ý hẩn cũng có đôi chút duyên văn-tự đối với nhà thi-sĩ Vị-xuyên, mơ mộng làm sao lại thấy ông này hiện hồn về bảo cho biết phải làm nhà thờ ông ta thì làng mới được yên. Bọn hào-mục tin chuyện chiêm-bao ấy, bèn lập đền thờ.

Xem thế, thì chỉ vì một mục-đích ích-kỷ, nhỏ-mọn mà người ta thờ ông, thờ để được bình an vô sự, chớ không phải vì niệm cái công-ơn của ông đối với văn-chương ! Phương chi, làm như thế là họ đã hủy-báng ông một cách thậm tệ : họ cho ông cũng đồng một tâm-địa như họ, không đời nào hiểu được chữ xả thân, hy-sinh, họ tưởng có làm lợi cho ông (lập đền thờ) thời đáp lại ơn, ông mới cho yên-ổn !

Than ôi ! Nếu ông có linh-thiên, chắc ông phải hổ-thẹn, mỗi khi trông thấy cái đền thờ mình, và ngậm ngùi cho đồng-bào ông lắm ! Nếu ông hẩn có phép thần-thông làm cho làng hết động, tôi chắc rằng ông sẽ dùng ngay phép ấy

mà phá-hoại cái biểu-hiệu của sự sùng-bái vị-kỳ, đê-hèn ấy trước đã.

*

Công-việc của nhà phê-bình đến đây đã gần hết. Tôi chỉ mong-ước hai điều :

Thứ nhất, chính-phủ để tâm đến nền văn-học nước nhà, bắt-chước cách khuyến-khích của các nước văn-minh, để riêng một công-quỹ dựng cho các đại-văn-hào đã làm cho nền quốc-văn tốt-đẹp ra, như nhà thi-sĩ Vị-xuyên, những tượng đồng, bia đá, những tấm bằng ghi-nhớ công-ơn. Hoặc là ngân-sách của các tỉnh, các thành-phố đã sản-xuất ra những bậc vĩ-nhân, nên dự-định số tiền dùng về việc ấy.

Thứ hai là trong quốc-dân, những người yêu văn, lập những hội văn-học, lấy việc tôn-sùng các bậc danh-sĩ đã qua đời làm tông-chỉ, rộng thì thờ các ông đã nổi danh trong nước, hẹp thì thờ riêng ông mà mình yêu-chuộng hơn hết (vì tôi có thể yêu-chuộng một ông mà anh không yêu-chuộng) luôn luôn chăm lo truyền-bá văn-chương và tư-tưởng của ông ấy.

Riêng về phần Tú Xương, đã sẵn có đền ở làng Bưởi, nếu ta lấy đó dùng làm cơ-sở cho « hội người yêu-chuộng ông Tú Xương » cho việc thờ-phụng kia – thờ-phụng một cách khác kia, chớ không phải thờ vì cái thủ lợn, miếng phao câu và mâm xôi đậu – là cứ hàng năm đến những ngày kỵ-giỗ, hoặc chính ngày làng thường làm lễ tế ông, phải tổ-chức những cuộc diễn-thuyết, nói về thân-thế, về văn-chương, về tư-tưởng của ông, để khuyến-khích lòng

yêu văn – cũng là một cách yêu nước ; thờ-phụng các nhà thi-sĩ – chớ không phải là thờ-phụng cái ông thành-hoàng có tài huyền-hoặc làm cho làng khởi động.

Trong khi đợi những điều nguyện-vọng kia được thành-hiệu, tôi xin trình các bạn tập phê bình này, mà tôi đã trân-trọng kính tặng cho vong-linh nhà thi-sĩ tôi yêu ; một tác-phẩm sơ-sài, hèn-mọn, càng sơ-sài, càng hèn-mọn, khi đem so-sánh với cái văn-nghiệp quý giá của Tú Xương, nhưng đó là một tang-chứng để tỏ tấm lòng biết ơn của một kẻ hậu sinh đối với tiền-bối.

= HẾT =

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT sáng-lập năm 1937 với sự hợp-tác của các học-giả và nhà-văn danh-tiếng Trung, Nam, Bắc : **Bùi Kỳ, Trần Trọng Kim, Phan Văn Hùm, Trần Thanh Mại, Thi Nham, Đào Trinh Nhất, Lê Ngọc Trụ, Trúc Khê, Hà Như Chi, Phạm Trọng Nhân, Tôn Thất Lương, Nhượng Tống, Phạm Văn Diêu, Bửu Kế, Bùi Giáng, Phạm Hoàn Mĩ, Nguyễn Hóa, Bình Nguyên Lộc, v.v...** đã xuất-bản trên 350 thứ sách chia ra làm nhiều loại.

Hiện còn những thứ mới :

I. SÁCH GIÁO-KHOA BẬC TRUNG-HỌC

A) LOẠI BIÊN-KHẢO VÀ PHIÊN DỊCH

1) ***Việt-nam sử-lược*** của Trần trọng Kim. (Nam Việt 150đ. Ngoài Nam Việt 160đ.)

2) ***Việt-nam văn-phạm*** của ba ông Phạm Duy Khiêm, Bùi Kỳ và Trần trọng Kim. (Giá N.V. 55đ. Các nơi 58đ.)

3) ***Quốc-văn cụ-thể*** của Ưu Thiên Bùi Kỳ. (Giá 42đ. Ngoài Nam Việt 45đ.)

4) ***Việt Thi*** của Trần trọng Kim. (Giá 42đ. Ngoài Nam Việt 45đ.)

5) ***Đường Thi*** của Trần trọng Kim. (Đang in lần thứ hai)

6) ***Việt-nam Thi-văn giảng-luận*** của Hà Như Chi giáo-sư trường Quốc-học Huế :

TẬP I : Từ khởi-thuỷ đến cuối thế-kỷ 18. Gồm có những luận-đề về : Truyện cổ-tích, Ca-dao và Tục-ngữ, Truyện Trinh Thử, Truyện Trê Cóc, Nguyễn Trãi, Vua Lê Thánh-tông,

Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Hằng, Lê Quý Đôn, Đoàn Thị Diễm, Ôn Như Hầu, Nguyễn Huy Tự, Lê Thị Ngọc Hân, Phạm Thái. (*Dùng trong các lớp Đệ-ngũ và Đệ-tam bậc Trung-học*). (In lần thứ ba. Giá N.V. 85đ. Các nơi 90đ.)

TẬP II : Thế-kỷ thứ 19. Gồm có những luận-đề về : Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Bà huyện Thanh-Quan, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Cao Bá Nhạ, Phan Huy Vịnh, Nguyễn Đình Chiểu, Tôn Thọ Tường, Chu Mạnh Trinh, Nguyễn Khuyến và Trần Tế Xương. (*Dùng trong các lớp Đệ-tứ và Đệ-nhị bậc Trung-học*). (In lần thứ hai N.V. 120đ. Các nơi 130đ.)

7) **Việt-nam văn-học giảng-bình** của Phạm Văn Diêu giáo-sư trường Quốc-học Huế. Một khoa bản đáp-ứng mọi mong chờ của các bạn học sinh Đệ-tứ và Đệ-nhị bậc Trung-học. (Giá 50đ. Ngoài Nam Việt 55đ.)

8) **Hóa-học** (lớp Đệ-tứ Trung-học) của Phạm Văn Hường và Phạm Văn Thoại giáo-sư trường Quốc-học Huế. (Giá N.V. 50đ. Các nơi 53đ.)

9) **Lịch-sử Việt-nam** (lớp Đệ-thất) của Phạm Hoàn Mĩ và một nhóm bạn giáo sư biên-soạn. (Giá N.V. 35đ. Các nơi 37đ.)

Sắp có bán : *Lịch-sử Việt-nam (lớp Đệ-lục)*

B) LOẠI CỔ VĂN CHÚ-THÍCH

1) **Truyện Thúy Kiều** của Nguyễn Du do Bùi Kỷ và Trần Trọng kim hiệu-khảo. (Giá N.V. 55đ. Các nơi 58đ.)

2) **Truyện Hoa Tiên** của Nguyễn Huy Tự do cụ Tôn Thất Lương chú-thích. (Đang in lần thứ hai)

3) **Chinh-phụ ngâm khúc** của Đoàn Thị Điểm do cụ Tôn Thất Lương chú-thích. (Giá N.V. 42đ. Các nơi 44đ.)

4) **Cung-oán ngâm khúc** do cụ Tôn Thất Lương chú-thích (in lần thứ tư). (Giá Nam Việt 16đ. Các nơi 17đ.)

5) **Lục Vân Tiên** của Nguyễn Đình Chiểu, sửa đúng theo bản P.J.B. Trương Vĩnh Ký, phát-hành năm 1889 có thêm phần chú-thích. (Giá N.V. 42đ. Các nơi 45đ.)

6) **Truyện Trê Cóc** do cụ Bùi Kỳ hiệu-đính. (Giá N.V. 12đ. Các nơi 13đ.)

7) **Truyện Trinh Thử**. (Giá N.V. 12đ. Các nơi 13đ.)

8) **Lục-súc tranh công** do cụ Bùi Kỳ hiệu-đính. (Giá N.V. 8đ. Các nơi 9đ.)

9) **Truyện Phan Trần** do Thi Nham chú-thích. (Giá N.V. 16đ. Các nơi 17đ.)

10) **Nguyễn Cư Trinh** với quyển **SÃI VÃI** do hai ông Lê Ngọc Trụ và Phan Văn Luật chú-thích và dẫn-giải. (Giá 20đ. Ngoài Nam Việt 22đ.)

11) **Hoa điệu tranh năng** do cụ Bùi Kỳ hiệu-đính. (Giá N.V. 7đ. Các nơi 8đ.)

12) **Hạnh Thục Ca** của Nguyễn Nhược Thi do cụ Trần Trọng kim phiên-dịch và chú-thích. (Giá 12đ. Ngoài Nam Việt 13đ.)

13) **Ngư Tiên vấn đáp Y-thuật** của cụ ĐỒ CHIẾU (tác giả Lục Vân Tiên) do Phan Văn Hùm hiệu-đính và chú-thích. (Đang in lần thứ hai)

14) **Nhị Độ Mai** do Thi Nham đính-chính và chú-thích. (Giá N.V. 42đ. Các nơi 45đ.)

15) **Bích-câu kỳ ngộ** do Thi Nham đính-chính và chú-thích. (Giá N.V. 16đ. Các nơi 17đ.)

16) **Nữ Tú-Tài và Bần-nữ thán** do Thi Nham chú-thích. (Giá 16đ. Ngoài Nam Việt 17đ.)

17) **Gia-huân ca** do Thi Nham chú-thích. (Giá 12đ. Ngoài Nam Việt 13đ.)

18) **Nhị-thập tứ hiếu** do Cao huy Diệu chú-thích. (Giá 16đ. Ngoài Nam Việt 17đ.)

19) **Quan-Âm Thị Kính** do Thi Nham chú-thích. (Giá N.V. 12đ. Các nơi 13đ.)

Sắp phát-hành :

- *Chiêu hồn* hay là *Văn-tế thập loại chúng sinh* của NGUYỄN DU do Bình Nguyên Lộc và Nguyễn Ngu-Í chú-thích.

- *Tự tình khúc* của Ca Bá Nhạ.

C) LOẠI SÁCH TÌM HIỂU

1) **Một vài nhận-xét về LỤC VÂN TIÊN, CHINH-PHỤ NGÂM, QUAN-ÂM THỊ KÍNH.** (Giá N.V. 20đ. Các nơi 21đ.)

2) **Một vài nhận-xét về TRUYỆN THÚY KIỀU và PHAN TRẦN.** (Giá N.V. 20đ. Các nơi 21đ.)

3) **Một vài nhận-xét về BÀ HUYỆN THANH-QUAN**
(Giá N.V. 20đ. Các nơi 21đ.)

4) **Tìm hiểu TRIẾT-HỌC LUÂN-LÝ.** (Giá N.V. 23đ. Các nơi 25đ.)

II. TỦ SÁCH « NHỮNG MẢNH GƯƠNG »

1) **Nguyễn Thái Học** do Nhung Tổng biên-soạn. (Giá N.V. 40đ. Các nơi 42đ.)

2) **Phan Chu Trinh** do Thế Nguyên biên-soạn. (Giá N.V. 42đ. Các nơi 44đ.)

3) **Phan Văn Trị : Học Lạc, Nhiêu Tâm** do Nhất Tâm biên-soạn. (Giá N.V. 20đ. Các nơi 21đ.)

4) **Huỳnh Mẫn Đạt : Thủ-khoa Nghĩa và Thủ-khoa Huân** do Nhất Tâm biên-soạn. (Giá N.V. 18đ. Các nơi 19đ.)

5) **Phan Bội Châu** do Thế Nguyên biên-soạn. (Giá N.V. 52đ. Các nơi 55đ.)

6) **Nguyễn Đình Chiểu** do Nguyễn Bá Thê biên-soạn. (Giá N.V. 48đ. Các nơi 50đ.)

7) **Phan Đình Phùng** do Đào Trinh Nhất biên-soạn. (Giá N.V. 67đ. Các nơi 70đ.)

8) **Lương Ngọc Quyến và cuộc khởi-nghĩa Thái-nguyên** do Đào Trinh Nhất biên-soạn. (Giá N.V. 25đ. Các nơi 27đ.)

Sắp có bán :

- *Trông giòng sông Vị (Trần Tế Xương)*
- *Hàn Mạc Tử*

- Nguyễn Khuyến

III. SÁCH GIÁO-KHOA bậc TIỂU-HỌC

1) **Quan-sát** (lớp Ba) do Ty giáo-huấn tỉnh Gia-định biên-soạn theo phương-pháp thính-thị. (Giá toàn-quốc 35đ.)

2) **Sơ-học luân-lý** của Trần trọng Kim. (Giá N.V. 23đ. Các nơi 26đ.)

3) **Tiểu-học Việt-nam văn-phạm** của Trần Trọng Kim, Bùi Kỳ, Nguyễn Quang Oánh. (Giá N.V. 22đ. Các nơi 24đ.)

4) **Việt-sử** : lớp Ba 18đ., lớp Nhì 28đ., lớp Nhất 15đ.

IV. SÁCH GIÁO-KHOA QUỐC-TẾ

Mới có bán :

1) **Thằng người gỗ** tức là quyển « Les aventures de Pinocchio ». Bản dịch của Bửu Kế. (Được giải nhất cuộc thi tiểu-thuyết của Hội phụ-huynh Việt-nam). Hoạ-sĩ Mạnh Quỳnh minh-họa. Ấn-loát : 36 hình màu, 17 hình đen. Bìa in offset 5 màu. (Giá N.V. 36đ. Các nơi 39đ.)

V. SÁCH KHẢO-CỨU

1) **Vương Dương Minh** của Đào Trinh Nhất. (Giá N.V. 32đ. Các nơi 36đ.)

2) **Việt Sử giai-thoại** của Đào Trinh Nhất. (Đang in lần thứ hai)

3) **Tinh-thần khoa-học** của Nguyễn Văn Tài. (Giải thưởng Gia-long năm 1943) (Giá 17đ. Ngoài Nam Việt 19đ.)

4) **Phật-giáo** của cụ Trần Trọng Kim. (Đang in lần thứ hai)

5) **Phật-giáo thừa xưa và Phật-giáo ngày nay** của cụ Trần Trọng Kim. (Đang in lần thứ hai)

6) **Nho-giáo** (quyển thượng) của cụ Trần Trọng Kim. (Giá 80đ. Ngoài Nam Việt 90đ.)

Sắp có bán :

- *Nho-giáo (quyển hạ) của cụ Trần Trọng Kim*

- *Phật lục của cụ Trần Trọng Kim*

VI. GIÓ BỔN PHƯƠNG

1) **Trên đường giải-phóng** của nhà văn-hào Cao-ly Younghill Kang. Bản dịch của Phạm Trọng Nhân. (Giá 42đ. Ngoài Nam Việt 45đ.)

2) **Mái Tây** (Tây Sương ký) : một trong lục tài-tử của Tàu. Áng văn dịch bất hủ của Nhược Tống. (Đang in lần thứ ba)

VII. TRUYỆN CỔ VIỆT NAM

1) **Truyền-kỳ mạn lục** (toàn tập) : Tập truyện cổ Việt-nam mà cụ Vũ Khâm Lân đã cho là một « Thiên cổ kỳ bút ». Bản dịch của Trúc Khê Ngô Văn Triện. (Giá 40đ. Ngoài Nam Việt 43đ.)

2) **Lam-sơn thực lục** (tức là truyện Lê Thái-tổ khởi-nghĩa ở Lam-sơn) do Nguyễn Trãi biên-soạn và chính Lê Thái-tổ đề tựa. (Giá N.V. 24đ. Các nơi 26đ.)

Sẽ phát-hành vào đầu niên khóa 1957-1958
Quyển sách giáo-khoa giá-trị

BÌNH GIẢNG THI-VĂN HIỆN-ĐẠI

của **BÙI GIẢNG**

MỘT tập sách dày, bình-giảng rất công-phu về Thi-văn Việt-nam từ cuối Thế-kỷ XIX đến nay :

- Trích-giảng Thi-văn của hầu hết các ngài bút lỗi lạc : Nguyễn Tuân, Khái Hưng, Nhất Linh, Thạch Lam, Hoàng Đạo, Tô Hoài, Nguyễn Hồng, Trần Tiêu, Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Tế Hanh, Quách Tấn, Tản Đà, Phạm Quỳnh, Trần Trọng Kim, Nguyễn Bá Học, Nguyễn Văn Vĩnh, v.v..

- Phần luận-thuyết, Bài tập luận-thuyết.

- Văn-chương nước ngoài (Anh, Mỹ, Pháp, Áo, Đức) : Einstein, Schubert, Steinbeck, Stéfan Zweig, Oscar Wilde, Somerset Maugham, Francis Jammes, Gérard de Nerval, H. Balzac, v.v..

- Một tập sách rất cần-thiết cho học-sinh Trung-học.

TRÔNG GIÒNG SÔNG VỊ

In lần thứ tư do nhà **TÂN VIỆT** xuất-bản.

In xong ngày 31-12-1956.

Tại nhà in riêng của nhà xuất-bản **TÂN VIỆT**.

Giấy phép xuất-bản của nha Thông-Tin Nam Việt

Số 969/T.X.B.

tve-4U
CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Notes

[← 1]

Kỳ thi ấy, người ta chỉ lấy có năm-mươi cử-nhân, mà đội năm-mươi thầy cử ở trên bảng, tức là không có tên đâu hết cả thầy. Bài thơ này là một bài khôi-hài, nhà thi-sĩ làm để nói khoái chơi, mà cái khéo ở đây là câu nào câu ấy đủ rõ để cho người ta thấy chỗ dụng tâm của thi-sĩ :

« *Ông trông lên bảng thấy tên ông* » : Nghĩa là ông không thấy tên ông đâu hết.

« *Bốn kỳ mười bảy cái ưu thông* » : Lệ thi bốn kỳ, cộng tất cả là mười sáu bài, giỏi tốt bậc là được mười sáu cái ưu. Thi-sĩ nói mười bảy cái là để cho lòi cái khoát ra.

[←2]

Khoa thi năm đinh-dậu, 1897, có ba người hay chữ nổi tiếng nhất trong đám sĩ-tử Bắc-Việt là Nguyễn Tuân, về sau đã từng làm BỔ-chánh tỉnh Thái-bình, Lê sĩ Nghị, và Túc, đều đáng đỗ thủ-khoa cả. Nếu ba người ấy mà nối đuôi nhau đỗ nhất, nhì, ba, thì bài thơ trên đây tất nhiên không có. Hiềm vì khoa ấy, Túc lại đỗ thứ tư, mà lọt vào hàng thứ ba lại là Tuyên (Lê Tuyên) dốt có tiếng ở Bắc-Việt. Nhân câu chuyện như thế, nên có người cho rằng bài thi trên đúng ra là phải như thế này :

« Hai **đứa** tranh nhau cái **thủ-khoa**.

Tuân khoe văn hoạc **Nghị** văn già.

Quan-trưởng lấy hết **phường** hay chữ,

Mà bác **Lê Tuyên** đỗ thứ ba ».

Kể như thế thì bài thơ kém hay, kém sâu-sắc và hình như chỉ cốt xoi-bói « bác Lê Tuyên » kia mà thôi.

Nhưng chắc trong thâm tâm nhà thơ Vị-xuyên thì không phải thế. Nhà thi-sĩ chỉ vì mình mà làm thơ chứ không phải vì theo thành-kiến chung của thời ấy. Hai ông Tuân và Nghị có giỏi đến đâu, nhà thi-sĩ nào coi ra gì, và nào có thèm biết đến tên ? mở miệng ra là :

« Hai **đứa** tranh nhau cái **thủ-khoa**,

Đứa khoe văn hoạc **đứa** văn già ».

Câu thơ, nhờ ở sự lặp đi lặp lại ba lần một chữ **đứa** ấy, càng mạnh-mẽ biết bao nhiêu, và vì rằng : « **Năm nay đỗ rặt** phường hay chữ », cho nên cái bác Lê dốt có tiếng ở Bắc-Việt kia : « **Kìa bác Lê kia cũng thứ ba** » bác ấy, dốt có tiếng mà cũng đỗ thứ ba thì phỏng hai người đỗ trên bác, cho dầu nổi danh hay chữ đến đâu, cũng đã lấy gì làm xứng đáng mà hòng tranh nhau mà hòng khoe ?

Ý-nghĩa toàn bài là phải vậy.

[←3]

Lời của ông Nguyễn Thượng Hiền nói về ông Phan Bội Châu trong bài ông phê-bình bài « BÀI THẠCH VI HUYNH » của ông Phan. Có hai câu :

« Bình sanh đảo hải di sơn chí,

Bút đao dũng xuất sinh trường hồng ».

(Dời non lật bể chí bình nhật,

Ngòi bút mạnh tuôn như cầu vồng).

[←4]

Khi ông Phan Bội Châu đã đậu giải-nguyên trường Nghệ Có người lấy làm lạ rằng trước kia thấy nói ông Phan bị án hoài-hiệp văn-tự, suốt đời không được thi-cử, sao bây giờ lại thấy nói ông đậu giải-nguyên. Cái đó, xin đọc riêng lịch-sử của nhà chí-sĩ họ Phan thì mới biết. Ở đây xin nói qua rằng học-lực ông Phan hồi ấy làm cho ông nổi tiếng khắp miền Trung-Việt, nên ở triều-đình Huế, nhiều vị quan thế-lực đã chạy-chữa cho ông được tuột án.

[←5]

Năm canh-tí, Thành-thái thứ 12 (1900) là năm ông Phan Bội Châu đậu thủ-khoa trường Nghệ (điểm đầu). Đến năm giáp-thìn, Thành-thái thứ 16 (1904) ông xuất dương.

Trong tập VIỆT-VĂN DẪN-GIẢI (Quốc-học Tùng-san, tập thứ ba) ông Á-Nam Trần Tuấn Khải thích nghĩa rằng : « *Giáp-thìn và canh-tí, tức là năm giáp-thìn và năm canh-tí, Giáp, ất, bính, đinh, mậu, kỷ, canh, tân, nhâm, quý, là mười hàng can. Tí, sửu, dần, mao, thìn, tị, ngọ, mùi, thân, dậu, tuất, hợi, là mười hai hàng chi. Đòi cổ lấy mười chữ hàng can với mười hai chữ hàng chi, luân-chuyển hợp nhau mà tính ngày, tính giờ, tính năm và tính tháng* » một chẵn và hết. Cắt-nghĩa như thế thì cũng khí dễ-dãi.

[←6]

Còn một bài nữa, nhưng không cốt gửi cho ông Phan. Thơ ông Tú Xương về ông Phan Sào Nam, thi chung chỉ có hai bài. Một bài đã hẳn gửi ông Đặng Tử Mẫn đưa ra hải ngoại. Còn bài thứ hai, mà ông Đặng không học thuộc lòng ấy, như thế này :

*« Ta nhớ người xa cách núi sông,
Người xa, xa lắm nhớ ta không ?
Sao đương vui-vẻ ra buồn-bã,
Vừa mới quen nhau đã lạ-lùng.
Khi nhớ, nhớ cùng trong mộng-tưởng,
Nỗi riêng, riêng đến cả tình chung,
Tương-tư lọ phải là trai gái,
Một ngọn đèn xanh, trống điểm thùng ».*

[←7]

Câu cuối này của bài « CHÚC SANG » trong bốn bài « CHÚC TẾT » của Tú Xương các bản in xưa nay đều đề là : « Vừa bán vừa la cũng đắt hàng ».

Duy chỉ có Phan Khôi tiên-sinh quả quyết là câu thơ này chỉ hay nhờ ở cái tục của nó. Trong quyển CHƯƠNG-DẪN THI-THOẠI của tiên-sinh, tiên-sinh đã từng viết :

« Theo nguyên-văn của ông đặt ra thì bài này câu kết là như thế. Nhưng sau người ta in thơ ông ra, sợ mịch lòng thiên-hạ – mịch lòng mấy ông quan – nên mới sửa cho nhẹ bớt đi mà nói rằng : « Vừa bán vừa la cũng đắt hàng ». Nhưng chính cái người nói ra đó, người ta không sợ mịch lòng, thứ mình đây thuật lại mà sợ gì ?... Năm 1908, cách ngày ông Tú Xương mất không xa, tôi có ở Nam-định ba tháng, chính tại tôi nghe được cả bốn bài này nên tôi theo nguyên-văn mà cải-chính lại ». (CHƯƠNG-DẪN THI-THOẠI, trang 105-106)

Như tuồng cho rằng nói thế chưa đủ, ở một chỗ khác cũng ở trong sách ấy, Phan Khôi tiên-sinh lại còn viết một cách quyết-liệt, với một giọng « bút chiến » hơn :

« Có người không hiểu, lại hay chữa bậy, làm mất cái hay sâu-sắc của ông đi... Trong câu nguyên chữ « chửi » với chữ « giao » đồng một cách hành-động, nghĩa là đều do miệng mà ra, nên hạ hai chữ « vừa » mới sát. Còn vừa bán vừa la thì nghe nó rời-rạc ra. Và lại sự rao ở trước sự bán, trong khi rao đó vừa chửi nữa mà cũng bán được đắt hàng, thế mới càng tỏ ra nhiều người thích mua lọng, còn đợi bán rồi mới la thì không mạnh bằng. Huống chi chữ chửi tỏ ra chẳng những không cần bán mà cũng không cho mua nữa, còn chữ la là la rầy, ý hơi nhẹ đi, và người ta có thể lẫn với nghĩa kêu la được thì hóa ra vô vị... » (CHƯƠNG-DẪN THI-THOẠI, trang 36-37)

Lý-luận Phan tiên-sinh thật là chí sát không còn bác-biện vào đâu được nữa !

[←8]

Về bài này, phần nhiều các bản in thơ ông Vị-xuyên đều để nhan-đề là : « CHẾ BẠN NGHIỆN VAY TIỀN SƯ KHÔNG ĐƯỢC ». Trong tập Vi-xuyên thi-văn của ông Sở-cường lại thấy có chua thêm : « *Người Hà-nội mà xuống vay tiền của sư ở Nam* ». Đó là một cái lầm khi chép thơ vậy.

Chữ ÔNG trong bài vay nợ sự là chính ông Tú Xương đã dùng để tự xưng mình. Như trong bài « HỮU CẢM » hai câu :

« *Người bảo ÔNG điên ÔNG chẳng điên,
ÔNG thương ÔNG tiếc hóa ÔNG phiền...* »

Chữ ÔNG ấy cũng một nghĩa với chữ TA vậy, cho nên ở câu thứ ba, có bản chép (mà bản này mới là bản đúng) : « *Nghĩ MÌNH nghiện nặng cho nên kiết* », Chữ MÌNH đích-thị là tác-giả tự xưng.

Phương chỉ ở trong câu rớt : « *Không được THÌ ông LẠI xuống tàu* ». Chữ THÌ và chữ LẠI đã tỏ ý người nói tự bảo lấy mình, tự dặn mình, chớ không phải kể một việc trông thấy ở người khác. Nó có nghĩa rằng : « *Tưởng được, chớ không được THÌ thôi, THÌ ta LẠI về, ta cần chi ?* »

[←9]

Người ta hay lầm-lẫn bài này với bài « NGÁN NỖI CHỒNG CHUNG » của Hồ Xuân Hương. Chứng-cớ : trong báo Sao Mai số 47, ra ngày 7-12-1934 một ông nào đó nhắc đến bài của cô Xuân Hương, lại chen vào những câu trong bài LẤY LẺ của ông Tú Xương, làm một thứ hổ-lốn nửa chè nửa xôi, râu ông cắm mụ, đánh lầm nhiều người đọc lầm. Cái áng văn tuyệt tác, hất cả niêm, sai cả luật, do ông văn-sĩ báo Sao Mai tìm ra ấy, như thế này :

*« Chém cha cái kiếp lấy chồng chung,
Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh-lùng.
Mười đêm chị giữ mười đêm cả,
CHÍN (!) tháng em năm CHÍN tháng không !
Cổ ấm ăn xôi, xôi CHẴNG ĐƯỢC (!!)
Đem thân làm mướn, mướn không công.
Ai về nhả-nhủ đàn em biết,
Có ẽ thì THÔI (!) chớ chớ chung ! »*

Thực ra, bài của Hồ Xuân Hương, tự than cảnh-ngộ của mình, lảng-lơ hơn, và cũng thần tình hơn nữa !

*« Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh-lùng,
Chém cha cái kiếp lấy chồng chung !
Năm thì mười họa nên chẳng chớ
Một tháng đôi lần có cũng không.
Cổ ấm ăn xôi, xôi lại hẩm,
Cầm bằng làm mướn, mướn không công.
Thân này ví biết đường này nhi ?
Thà trước thôi đành ở vậy xong ».*

[←10]

Ông Nguyễn tường Phượng khảo-cứu : Cuộc diễn-thuyết của ông Tiên-Đàm Nguyễn tường Phượng ở hội Trí Tri Hà-nội, hôm 29-11-1934 về : Một nhân-vật tỉnh Bắc-ninh : Ông Cao Bá Quát. Bài tường-thuật của Thái-Phi đăng ở Ngọ Báo số 2.174 ra ngày 1-12-1934.

[← 11]

Ông Tú Xương vay nợ thế cho một người bạn mà ông đứng bảo-lĩnh cho, rủi bị người ấy đánh lừa không trả, nên nhà cửa ông đành phải để cho chủ nợ tịch-biên, trong dịp này, nhà ông phải GIAO cho lính CANH giữ.

[←12]

Có bản chép một bài thơ cũng để của ông Tú Xương, làm lối thủ-vĩ-ngâm, dùng toàn những câu trong bài này, khác chẳng chỉ một đôi chữ thay đi để khỏi mất niêm-luật. Bản thay ấy thấy trong tập VIỆT VĂN DẪN-GIAI của ông Trần Tuấn Khải, như thế này :

*« Nghĩ ra tôi gớm cái mình tôi,
Bấm đốt hai mươi lẻ bốn rồi.
Ngày giữ lệ thường hai bữa một,
Vợ quen thói cũ : ba năm đôi.
Hai khoa hương thí không đâu cả,
Mấy thước vườn hoang bán sạch rồi.
Trời đất ghen riêng ai mãi mãi !
Nghĩ ra tôi gớm cái mình tôi ».*

Nghiệm cho kỹ thì bài này không có. Nguyên chỉ có một bài kia, chỉ vì tam sao thất bản mà sinh thêm một bài thứ hai này. Thật ra vào lối hai-mươi-lăm tuổi trở lại, cảnh-ngộ gia-đình ông Tú Xương đang còn được thanh-thời dễ chịu. Cực-khổ thậm tệ là bắt đầu từ lúc ông ba mươi cho đến chết.

Vả chẳng một người tài thơ như ông Tú Xương, nghĩ ra được hàng vạn câu hay, cần chi phải làm lối thủ-vĩ-ngâm là lối thơ của bọn thi-sĩ cụt hứng túng vắn ! Tại người ta quên mất cái vắn « Thôi » trong câu : « *Trêu ghẹo người ta nữa thế thôi* » mới kéo ngược câu đầu xuống cho xong !

Có người sẽ bằng ở những chữ « Hai khoa » mà cãi. Nhưng vì trên kia đã đề « hai mươi lẻ bốn » nên dưới phải để chữ Hai khoa, như thế mới có lý. Không phải vì đó mà ta tin được rằng ông Tú Xương đã làm bài ấy sau mới hỏng hai khoa.

[←13]

Bài HÀN-NHO PHONG-VỊ PHỦ của Nguyễn công Trứ có những câu :

« Phên trúc ngăn nửa nếp nửa buông,

Ổng nứa đựng đầu kê đầu đỗ.

Đồ chuyên trà ấm đất sứ vôi,

Cuộc uống rượu ve sành chắp cổ... »

*Tiền dụng lấy chi mà phao-phồng, thường giữ ba cọc ba đồng ; Mùa-màng
dành để có bao nhiêu, chừng độ một triêng, một bó... Trong cũi lợn nằm
gặm máng, đói chẳng muốn kêu ; Đầu giàn chuột lóc khua niêu, buông
thối lại bỏ.*

Cứ thế mà nói mãi không khéo ta lại tưởng anh hàn-nho kia hóa ra một anh nhà giàu mất. Hay không giàu thì cũng như cái anh chàng ở đời Tam-quốc, than-vãn với bạn về chuyện không có một miếng đất mà cảm chùy. Không đất nhưng còn có chùy, chớ anh kia lại còn tệ hơn : chùy anh ta cũng không có nữa !

Cái tên Tế Xương và Kế Xương : Các bản chép thơ của nhà thi-sĩ Vị-xuyên khi nào cũng để tên Trần Kế Xương. Hầu hết các người đọc thơ cũng gọi là ông Kế Xương cả. Theo cuộc phóng-sự của ông Phùng tất Đặc ở báo Đông-Tây trong năm 1932, thì nhà thi-hào bên Vị không bao giờ tên là Kế Xương, mà chính là Tế Xương. Ông bạn đồng nghiệp thân-hành đi Nam-định tìm phỏng-vấn con ông Tú Xương là ông Bột. Những điều ông này kể cho hẳn là đúng với sự thực. Phương chỉ có câu thơ : *« Tế đổi làm Cao nên sự thế »* mà ông Phùng tất Đặc đã viện một cách rất chí lý để làm chứng cho lời ông Bột, đã tỏ rằng chính tên nhà thi-sĩ là Tế Xương rồi, không còn lầm-lộn được nữa.

Công khai tôi xin có lời cảm-ơn ông Phùng tất Đặc về những món tài-liệu quý-hóa ông cho tôi.